

Tổng cục Lâm nghiệp
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
DỰ ÁN THÍ ĐIỂM REDD+ TẠI ĐIỆN BIÊN
BÁO CÁO TỔNG KẾT

Bản phụ lục “KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH DO MẤT RỪNG VÀ SUY THOÁI RỪNG GIAI ĐOẠN 2013 – 2020 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ MƯỜNG PHẪNG”

Tháng 03, 2014

Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản
(JICA)

Hiệp hội Tư vấn Lâm nghiệp Hải ngoại Nhật Bản (JOFCA)

Hiệp hội Công nghệ Lâm nghiệp Nhật Bản (JAFTA)

GE
JR
14-089



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH DO MẤT RỪNG VÀ SUY THOÁI RỪNG
GIAI ĐOẠN 2013 - 2020
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ MƯỜNG PHẪNG

Điện Biên, tháng 02 năm 2014

Danh mục chữ viết tắt

UBND	Ủy ban nhân dân
KHHD	Kế hoạch Hành động giảm phát thải khí nhà kính do mất rừng và suy thoái rừng cấp xã
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
Sở TNMT	Sở Tài nguyên và Môi trường
FMP	Kế hoạch Quản lý rừng
FPDP	Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng
HH	Hộ gia đình
MPSUFMB	Ban Quản lý rừng đặc dụng Mùòng Phăng
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
MP	Xã Mùòng Phăng
MRV	Đo đếm, Báo cáo và Thẩm định
NTFP	Lâm sản ngoài gỗ
LDP	Kế hoạch phát triển sinh kế
PFES	Chi trả dịch vụ môi trường rừng
PPC	Ủy ban nhân dân tỉnh
PRAP	Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh
REDD+	Giảm phát thải khí nhà kính do mất rừng và suy thoái rừng, bảo tồn trữ lượng các-bon rừng, quản lý rừng bền vững, nâng cao trữ lượng các-bon rừng.
VFMR	Quy ước quản lý rừng của bản
VMBFMLD	Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của bản
VND	Việt Nam Đồng

Mục lục

Phần giới thiệu	1
I. Cơ sở pháp lý và tài liệu sử dụng để xây dựng kế hoạch.....	1
1. Cơ sở pháp lý.....	1
2. Các tài liệu đã sử dụng	2
II. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội của xã Mường Phăng.....	2
1. Đặc điểm tự nhiên	2
2. Đặc điểm kinh tế-xã hội	3
2.1 Đặc điểm dân cư.....	3
2.2 Thực trạng kinh tế.....	5
2.3 Hoạt động sản xuất	6
3. Các vấn đề trong bảo vệ và phát triển rừng ở Mường Phăng.....	9
III. Kế hoạch hành động REDD+ cấp xã	9
1. Mục tiêu chung.....	9
2. Các mục tiêu cụ thể	9
3. Các nhiệm vụ chính.....	10
3.1 Nhiệm vụ về bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng.....	10
3.2 Nhiệm vụ về theo dõi diễn biến rừng	11
3.3 Nhiệm vụ về đẩy mạnh các hoạt động phát triển sinh kế cho người dân	12
3.4 Nhiệm vụ về tăng cường thể chế về quản lý rừng và phát triển sinh kế.....	12
3.5 Nhiệm vụ về nâng cao năng lực cho cán bộ xã và người dân.....	12
4. Giải pháp thực hiện	13
4.1 Giải pháp về thúc đẩy bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng.....	13
4.2 Giải pháp về việc thiết lập và vận hành thí điểm Hệ thống theo dõi diễn biến rừng.....	15
4.3 Giải pháp về phát triển sinh kế cho người dân thông qua các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và các hoạt động sản xuất khác	17
4.4 Giải pháp về thiết lập và tăng cường khung thể chế cho hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế có xem xét các hoạt động REDD+.....	20
4.5 Giải pháp về nâng cao năng lực về quản lý rừng và phát triển sinh kế cho cán bộ xã và người dân	25
IV. Tổ chức thực hiện	26
V. Kinh phí thực hiện và nguồn vốn.....	27
1. Chi phí thực hiện kế hoạch hành động	27
2. Nguồn tài chính	30
3. Giải pháp đối với tài chính	30
VI. Theo dõi và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã	30
Phụ lục: Các hoạt động theo các giải pháp.....	31

Phần giới thiệu

Với nhận thức “ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề sống còn”, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định 799/QĐ-TTg (ngày 27 tháng 6 năm 2012) phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về REDD+ trong đó xác định Việt Nam sẽ nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng để giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao trữ lượng các bon rừng, bảo tồn đa dạng sinh học gắn với xoá đói giảm nghèo và phát triển bền vững. Quyết định 799/QĐ-TTg cũng cho phép Bộ NN&PTNT lựa chọn ít nhất 8 tỉnh có tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính cao và đại diện cho các vùng sinh thái tham gia các dự án điểm về REDD+, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam và tài trợ của quốc tế, với nội dung của các hoạt động thử nghiệm ở cấp tỉnh bao gồm:

- Xây dựng chương trình hành động thực hiện REDD+ cấp tỉnh; lồng ghép thực hiện REDD+ với quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, sử dụng đất, các chương trình và dự án giảm phát thải trong nông nghiệp và các lĩnh vực liên quan; thí điểm xây dựng hệ thống quản lý, điều phối và vận hành REDD+ ở cấp tỉnh.

- Nâng cao nhận thức và năng lực kỹ thuật về REDD+ cho các cán bộ liên quan ở cấp tỉnh, huyện, xã; nâng cao nhận thức của các chủ rừng và cộng đồng dân cư địa phương.

- Lựa chọn và thực hiện các biện pháp nhằm giảm phát thải khí nhà kính do mất rừng và suy thoái rừng, ổn định và nâng cao trữ lượng các bon rừng; nghiên cứu vai trò và khả năng tham gia thực hiện REDD+ của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng địa phương.

- Đề xuất và thí điểm triển khai: Hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm định, phương pháp điều tra, theo dõi, đánh giá diễn biến rừng với sự tham gia của các bên liên quan; cơ chế quản lý tài chính và chi trả cho kết quả thực hiện REDD+; các biện pháp bảo đảm an toàn; xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin thực hiện REDD+.

Theo Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh, mỗi xã sẽ xây dựng KHHĐ cho riêng mình. Và, xã Mường Phăng của huyện Điện Biên đã được lựa chọn là một trong số hai điểm (điểm khác là địa bàn của xã Mường Mươn thuộc huyện Mường Chà) thực hiện các hoạt động thí điểm REDD+ ở tỉnh Điện Biên.

Bản kế hoạch hành động này đưa ra *các mục tiêu cần đạt được trong công tác quản lý rừng* (mục tiêu về trồng rừng, mục tiêu về khoanh nuôi tái sinh rừng, mục tiêu về bảo vệ rừng), và *phát triển sản xuất nâng cao đời sống, các nguồn lực cần thiết* (đất đai, nhân lực, kiến thức và các hỗ trợ) cũng như cách thức sử dụng các nguồn lực này một cách hiệu quả nhằm giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao trữ lượng các-bon rừng tại xã Mường Phăng trong giai đoạn 2013 – 2020. Nội dung của bản kế hoạch này được chia thành 6 phần, gồm:

- 1) Cơ sở pháp lý và tài liệu sử dụng để xây dựng kế hoạch;
- 2) Điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của xã Mường Phăng;
- 3) Phần chính của Kế hoạch;
- 4) Tổ chức thực hiện;
- 5) Chi phí và nguồn vốn thực hiện kế hoạch;
- 6) Theo dõi và đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

I. Cơ sở pháp lý và tài liệu sử dụng để xây dựng kế hoạch

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Đất đai, ban hành ngày 26/11/2003;
- Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, ban hành ngày 03/12/ 2004;
- Luật Bảo vệ Môi trường, ban hành ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP, ngày 03/03/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;
- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg, ngày 14/08/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý rừng;
- Quyết định số 799/QĐ-TTg, ngày 27/06/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Hành động Quốc gia về “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng

và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon rừng” giai đoạn 2011 – 2020;

- Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, ngày 24/09/2010 của Chính phủ, về chính sách Chi trả dịch vụ môi trường rừng;

- Quyết định số 2284/2010/QĐ-TTg, ngày 13/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Triển khai Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng";

- Quyết định số 1764/QĐ-BNN-HTQT, ngày 26/07/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt Dự án Hợp tác Kỹ thuật thí điểm REDD+ tại Điện Biên;

- Quyết định số 1174/QĐ-UBND, ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh Điện Biên, về việc phê duyệt Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2012-2020 của huyện Điện Biên;

- Thông tư số 05/2008/TT-BNN, ngày 14/01/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về hướng dẫn lập qui hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

- Quyết định 147/2007/QĐ-TTg, ngày 10/9/2007 về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015; Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg ngày 09/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/09/2007 về một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 106/2006/QĐ-BNN, ngày 27/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc ban hành Hướng dẫn quản lý rừng cộng đồng dân cư thôn;

- Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 19/03/2012 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt Dự án Quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Mường Phăng giai đoạn 2011 - 2020.

2. Các tài liệu đã sử dụng

- Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XII nhiệm kỳ 2010-2015;

- Kế hoạch số 388/KH-UBND, ngày 20/02/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên về rà soát, hoàn chỉnh thủ tục để giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2013 – 2015 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Thuyết minh đề án Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Điện Biên giai đoạn 2009 - 2020 được phê duyệt tại Quyết định số: 2117/QĐ-UBND ngày 02/12/2009 của UBND tỉnh Điện Biên;

- Thuyết minh Dự án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Mường Phăng, huyện Điện Biên giai đoạn 2011-2020 ;

- Báo cáo kết quả khảo sát kinh tế-xã hội xã Mường Phăng của Dự án thí điểm REDD+ tại Điện Biên, tháng 5 năm 2013:

- Kế hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

- Kế hoạch hành động REDD+ tỉnh Điện Biên (dự thảo)

II. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội của xã Mường Phăng

1. Đặc điểm tự nhiên

Xã Mường Phăng nằm về phía Đông-Đông Nam của huyện Điện Biên với phần phía Bắc có đường ranh giới với xã Nà Nhạn và Nà Tàu của huyện Điện Biên, phía Nam giáp với xã Pú Nhi của huyện Điện Biên Đông, phía Đông giáp với xã Ảng Nưa và Ảng Cang của huyện Mường Ảng và phía Tây giáp xã Pá Khoang cũng thuộc huyện Điện Biên.

Diện tích tự nhiên của xã Mường Phăng là 3.456 ha và được chia thành 3 khu vực với 3 kiểu địa hình khác biệt. Khu vực phía Đông với diện tích chiếm khoảng 1/3 tổng diện tích của xã Mường Phăng là sườn của dãy Pù Huột có độ cao từ 880m đến 1.683m, độ dốc trung bình từ 30-35%. Khu vực phía Tây, cũng với diện tích bằng khoảng 1/3 tổng diện tích tự nhiên, là khu vực đồi bát úp có độ cao trung bình từ 860 m đến 960m, độ dốc trung bình từ 20-25%. Giữa hai phần diện tích này là thung lũng có địa hình tương đối bằng phẳng và điều kiện thuận lợi cho các hoạt động canh tác lúa nước.

Khu vực xã Mường Phăng có khí hậu nhiệt đới gió mùa với hai mùa rõ rệt – mùa mưa và nắng nóng kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô lạnh từ tháng 11 đến tháng 3 năm tiếp theo.

Xét từ góc độ thủy văn, khu vực xã Mường Phăng là vùng đầu nguồn của hồ Pá Khoang, một hồ có vai trò rất quan trọng trong việc chứa và cung cấp nước cho gần như toàn bộ diện tích lúa nước của cánh đồng Mường Thanh và 4 nhà máy thủy điện nhỏ. Ngoài ra, một phần diện tích xã Mường Phăng là đầu nguồn của hồ Lọng Luông với sức chứa thiết kế là 1 triệu mét khối nước, cung cấp nước tưới cho 100 ha lúa 2 vụ và 150 ha lúa một vụ cho diện tích lúa nước vùng dưới đập.

2. Đặc điểm kinh tế-xã hội

2.1 Đặc điểm dân cư

Xã Mường Phăng có ba 3 dân tộc đang sinh sống là Mông, Kinh và Thái. Trong đó, dân tộc Thái chiếm đa số 75,22 %, tiếp theo là dân tộc Mông với 22,56 %, và một số ít người Kinh với 2,22 % tổng dân số xã.

Bảng 2.1 Số hộ và số khẩu đang sinh sống trên địa bàn xã Mường Phăng phân theo bản và dân tộc

TT	Bản	Mông		Kinh		Thái		Tổng số	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Bánh					54	245	54	245
2	Bua					60	222	60	222
3	Cang 1					46	186	46	186
4	Cang 2					28	124	28	124
5	Cang 3					40	184	40	184
6	Cang 4					24	89	24	89
7	Che Cản					63	328	63	295
8	Co Đú					20	83	20	83
9	Co Khô					29	101	29	101
10	Co Luống					34	140	34	140
11	Co Mận 1					46	212	46	212
12	Co Mận 2					26	92	26	92
13	Khẩu Cắm					30	143	30	143
14	Lọng Háy	57	334					57	334
15	Lọng Luông 1	46	302					46	302
16	Lọng Luông 2	30	184					30	184
17	Lọng Nghịu	34	217					34	217
18	Phăng 1					49	207	49	207
19	Phăng 2					43	203	43	203
20	Phăng 3			1	4	33	144	34	148
21	Trung tâm			27	89			27	89
22	Yên 1					40	170	40	170
23	Yên 2					50	183	50	183
24	Yên 3					18	80	18	80
25	Bản Khá					37	162	37	162
26	Tân Bình			2	9	30	159	32	168
	Cộng	167	1.037	30	102	800	3.457	997	4.563

(Nguồn: Báo cáo kết quả khảo sát kinh tế-xã hội xã Mường Phăng, tháng 5 năm 2013)

Số liệu khảo sát thực tế vào tháng 4 năm 2013 cho thấy, tỷ lệ trong độ tuổi lao động chiếm 57% tổng dân số, trong đó lao động nông, lâm nghiệp là chủ yếu. Lực lượng lao động qua đào tạo, có chuyên môn kỹ thuật chiếm tỷ lệ thấp. Tình trạng này cho thấy sẽ có nhiều khó khăn trong việc chuyển giao kỹ thuật và áp dụng kỹ thuật mới vào sản xuất khi thực hiện hỗ trợ phát triển sinh kế và quản lý rừng có sự tham gia.

2.2 Thực trạng kinh tế

Bảng 2.2 Thực trạng kinh tế của các hộ gia đình ở xã Mường Phăng

TT	Bản	Tổng số hộ	Hộ khá		Hộ trung bình		Hộ cận nghèo		Hộ nghèo	
			Số hộ	(%)	Số hộ	(%)	Số hộ	(%)	Số hộ	(%)
1	Bánh	54	5	9,26	48	88,89	0	0	1	1,85
2	Bua	60	5	8,3	49	81,7	0	0	6	10
3	Cang 1	46	0	0	23	50	6	13	17	37
4	Cang 2	28	0	0	7	25	5	17,9	16	57,1
5	Cang 3	40	0	0	14	35	15	37,5	11	27,5
6	Cang 4	24	0	0	7	29,2	4	16,7	13	54,1
7	Che Cẩn	63	0	0	41	65,1	15	23,8	7	11,1
8	Co Đíu	20	0	0	12	60	0	0	8	40
9	Co Khô	29	0	0	10	34,5	5	17,2	14	48,3
10	Co Luống	34	1	2,9	20	58,8	0	0	13	38,2
11	Co Mận 1	46	0	0	40	87	0	0	6	13
12	Co Mận 2	26	6	23,1	14	53,8	0	0	6	23,1
13	Khẩu Cắm	30	3	10	17	56,7	0	0	10	33,3
14	Lọng Háy	57	5	8,8	33	57,9	6	10,5	13	22,8
15	Lọng Luống 1	46	2	4,4	29	63	2	4,4	13	28,2
16	Lọng Luống 2	30	4	13,3	15	50	0	0	11	36,7
17	Lọng Nghiu	34	0	0	21	61,8	0	0	13	38,2
18	Phăng 1	49	7	14,3	33	67,3	0	0	9	18,4
19	Phăng 2	43	3	7	20	46,5	9	20,9	11	25,6
20	Phăng 3	34	2	5,9	17	50	8	23,5	7	20,6
21	Trung tâm	27	0	0	23	85,2	1	3,7	3	11,1
22	Yên 1	40	0	0	16	40	10	25	14	35
23	Yên 2	50	0	0	22	44	8	16	20	40
24	Yên 3	18	0	0	6	33,3	5	27,8	7	38,9
25	Bản Khá	37	4	10,8	21	56,8	0	0	12	32,4
26	Tân Bình	32	3	9,4	12	37,5	5	15,6	12	37,5
Tổng số và tỷ trọng tính theo tổng số		997	50	5,0	570	57,2	104	10,4	273	27,4

(Nguồn: Báo cáo kết quả khảo sát kinh tế-xã hội xã Mường Phăng, tháng 5 năm 2013)

Nhìn chung đại bộ phận các hộ gia đình trong xã đều đang sống trong tình trạng kinh tế thấp kém. Tính chung có 57,2% số hộ thuộc nhóm có thu nhập trung bình, 27,4% số hộ hộ nghèo, 10,4% hộ cận nghèo, và chỉ có 5% hộ gia đình có thu nhập khá.

Cơ sở hạ tầng phục vụ cuộc sống của người dân ở 26 bản của xã Mường Phăng chỉ mới đáp ứng được một số yêu cầu cơ bản của cuộc sống. Các bản đều có tuyến đường giao thông đã được rải nhựa chạy qua, tạo ra sự thuận tiện nào đó cho việc kết nối và vận chuyển hàng hoá với các địa phương khác. Hầu hết số các hộ gia đình đã được sử dụng điện do hệ thống lưới điện quốc gia cung cấp và một số lượng lớn hộ gia đình có nước sinh hoạt do hệ thống nước sinh hoạt công cộng cung cấp – hiện tại còn người dân ở 20 hộ của bản Co Đíu chưa được sử dụng điện lưới, và người dân ở 132 hộ của 4

bản¹ (bản Co Luống, Co Mận 1, Phăng 3 và Yên 3) chưa được cung cấp nước sinh hoạt.

2.3 Hoạt động sản xuất

2.3.1 Trồng trọt

Trồng trọt là ngành sản xuất chính của xã, trong đó chủ yếu là các cây lương thực và cây thực phẩm như lúa, ngô, khoai, sắn, đậu, lạc, dong riềng. Tổng diện tích lúa nước của toàn xã là 154,6 ha và về cơ bản đều là ruộng có thể canh tác hai vụ trong một năm. Diện tích lúa nước tính bình quân chung một nhân khẩu là 339 m², đây được coi là mức diện tích cao so với các xã khác của tỉnh Điện Biên.

Tổng sản lượng lúa thu hoạch năm 2012 là 1.043 tấn với năng suất bình quân đạt 54 tạ/ha/năm. Năng suất này được xếp ở mức trung bình thấp và điều này cũng có nghĩa là vẫn còn khả năng nâng cao năng suất của hoạt động canh tác lúa nước. Chỉ có 12,9% sản lượng thóc được bán ra để có tiền mặt cho chi tiêu hàng ngày, sản lượng còn lại được sử dụng cho nhu cầu lương thực của hộ gia đình. Tính bình quân chung sản lượng thóc bình quân một hộ là 1.049 kg và sản lượng thóc bình quân một người là 229 kg.

Tổng diện tích đất canh tác sắn của toàn xã năm 2013 là 154 ha. Đất trồng sắn là các khu vực đất phần sườn của dãy Pù Huột và vùng đồi bát úp thuộc quy hoạch đất lâm nghiệp. Tính bình quân mỗi hộ gia đình sử dụng trên 1.513 m² đất để canh tác sắn.

Bảng 2.3 Hiện trạng sử dụng đất canh tác ở xã Mường Phăng

		Diện tích đất của các bản phân theo tình trạng sử dụng (ha)								Diện tích bình quân một nhân khẩu (m ²)		
		Ruộng lúa	Nuơng lúa	Đất trồng sắn	Đất trồng dong	Đất trồng ngô	Vườn n nhà	Đất bỏ hoá	Cộng	Bản	Đất trồng sắn	Đất trồng dong
1	Bánh	9,18	0	3,24	3,24	0	8,1	0	23,8	375	132	132
2	Bua	7,2	0	7,8	3	0	1,2	0	19,2	324	351	135
3	Cang 1	5,52	0	1,38	1,38	0	2,3	1,84	12,4	297	74	74
4	Cang 2	2,52	0	5,32	1,12	0	1,4	1,96	12,3	203	429	90
5	Cang 3	5,2	0	5,2	3,2	0	2	0,8	16,4	283	283	174
6	Cang 4	2,88	0	3,12	1,92	0	0,72	4,8	13,4	324	351	216
7	Che Cẩn	11,97	0	10,08	20,16	0	2,52	1,89	46,6	406	342	683
8	Co Đú	1,4	0	3,5	2,7	1	0,2	2	10,8	169	422	325
9	Co Khô	2,9	0	2,9	1,74	0	0,29	0	7,8	287	287	172
10	Co Luống	6,12	0	8,5	1,02	1,02	1,7	3,4	21,8	437	607	73
11	Co Mận 1	11,04	0	9,66	4,6	0	0,46	0	25,8	521	456	217
12	Co Mận 2	4,16	0	10,92	4,94	0	0,52	1,04	21,6	452	1187	537
13	Khẩu Cấm	2,4	0	6	4,8	0	2,4	4,5	20,1	168	420	336
14	Lọng Háy	11,4	0	5,7	2,85	0	0,29	2,85	23,1	341	171	85
15	Lọng Luống 1	8,28	0	5,98	1,84	0	0,23	5,98	22,3	274	198	61
16	Lọng Luống 2	4,8	0	9	3	0	1,5	2,1	20,4	261	489	163
17	Lọng Nghịu	4,08	0	5,1	1,02	0	0,20	3,06	13,5	188	235	47
18	Phăng 1	7,35	0	4,9	2,45	0	0,98	4,9	20,6	355	237	118
19	Phăng 2	15,05	0	6,45	3,44	0	0,86	1,29	27,1	741	318	169

¹ Trừ bản Cang 4 đã lắp đặt hệ thống cung cấp nước sạch nhưng hệ thống này đã bị hỏng.

20	Phăng 3	8,16	0	5,1	1,7	1,02	0,68	1,02	17,7	551	345	115
21	Trung tâm	0	0	0	0	0	0,54	0	0,5	0	0	0
22	Yên 1	6	0	9	5	0	0,8	2	22,8	353	529	294
23	Yên 2	7,5	0	10	10	4	3,5	5	40,0	410	546	546
24	Yên 3	3,06	0	1,44	0,99	0	0,36	0,54	6,4	383	180	124
25	Bản Khá	4,07	0	7,4	7,4	0	3,7	7,4	30,0	251	457	457
26	Tân Bình	2,56	0	6,4	4,8	0	1,6	0,96	16,3	152	381	286
	Tổng số	154,8	0	154,1	98,3	7,0	39,0	59,3	512,6	425	330	211

(Nguồn: Báo cáo kết quả khảo sát kinh tế-xã hội xã Mường Phăng, tháng 5 năm 2013)

Trong năm 2012, tổng sản lượng sản tươi thu hoạch được là 3.676 tấn với năng suất bình quân đạt 24,4 tấn/ha/năm.

Dong riêng là loài cây trồng mới được người dân đưa vào trồng trên các diện tích đất nương trong một vài năm gần đây. Dong riêng thường được trồng ở nơi đất còn có độ màu mỡ ở mức độ khá. Tổng diện tích trồng dong riêng năm 2012 là 96,5 ha và tổng sản lượng thu hoạch được là 3.245 tấn.

Các mô hình sử dụng đất lâm nghiệp để canh tác sản và dong tương đối đa dạng và thay đổi theo điều kiện tự nhiên của từng nơi, nhu cầu về lương thực, việc thực hành các quy ước bảo vệ và phát triển rừng ở từng bản. Phần dưới đây là bốn hình thức phổ biến nhất tìm ra từ kết quả khảo sát kinh tế-xã hội ở các bản.

Hình thức 1: Trồng sản liên tục

Hình thức 2:

Trồng sản	Bỏ hoá	Trồng sản	Bỏ hoá
3-4 vụ	1 năm	3-4 vụ	1 năm

Hình thức 3:

Trồng dong	Trồng sản	Bỏ hoá	Trồng dong
2-3 vụ	2-3 vụ	2-3 năm	2-3 vụ

Hình thức 4:

Trồng dong	Trồng sản	Trồng dong	Trồng sản
2 vụ	4-5 vụ	2 vụ	4-5 vụ

Ngoài 3 loại cây lương thực chính đã nêu, một số hộ gia đình người dân còn trồng ngô ở những khu vực đất ven chân đồi. Tổng diện tích đã trồng ngô trong năm 2012 là 7,14 ha. Sản lượng thu hoạch là 27 tấn. Ngô thu hoạch được chủ yếu được các gia đình sử dụng làm thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.

2.3.2 Chăn nuôi

Bên cạnh trồng trọt, hoạt động chăn nuôi cũng đang ngày càng được quan tâm đầu tư phát triển cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu vật nuôi. Tuy nhiên, do kiến thức và nguồn vốn còn hạn chế nên hoạt động chăn nuôi chủ yếu vẫn là hình thức hộ gia đình. Bên cạnh đó người dân chưa chú trọng nhiều đến các biện pháp phòng bệnh, làm chuồng trại hợp vệ sinh hay chuẩn bị đủ thức ăn trong mùa đông lạnh. Chính vì vậy đã xuất hiện các đợt dịch bệnh làm chết nhiều gia súc gia cầm. Các sản phẩm chăn nuôi chủ yếu phục vụ nhu cầu của gia đình, chưa đóng góp nhiều cho việc tạo ra thu nhập cho người dân. Việc thả gia súc nhiều nơi còn theo hình thức thả rông gây ảnh hưởng không tốt đến công tác bảo vệ và phát triển rừng do gia súc phá hoại rừng trồng.

Bảng 2.4 Hiện trạng hoạt động chăn nuôi ở xã Mường Phăng

T T	Bản	Bò		Trâu		Lợn		Dê		Gà		Vịt		Nuôi cá	
		Số hộ nuôi	Số con	Số hộ nuôi	Số con	Số hộ nuôi	Số con	Số hộ nuôi	Số con	Số hộ nuôi	Số con	Số hộ nuôi	Số con	Số hộ nuôi	Số con (ha)
1	Bánh	4	60	54	44	54	300	0	0	54	350	54	100	14	0,7
2	Bua	14	21	45	75	60	258	0	0	60	598	0	0	53	5
3	Cang 1	0	0	16	37	46	100	0	0	46	600	20	180	35	3
4	Cang 2	0	0	6	16	20	80	0	0	28	120	10	50	15	2,2
5	Cang 3	0	0	12	34	32	200	0	0	40	400	15	80	14	1,4
6	Cang 4	0	0	7	11	24	30	0	0	24	180	0	0	7	2
7	Che Cẩn	6	30	20	40	63	130	0	0	63	1300	63	650	50	2
8	Co Địu	1	6	14	47	20	85	1	20	20	500	20	100	19	1
9	Co Khô	2	4	3	6	19	50	0	0	22	120	12	150	12	8
10	Co Luống	0	0	25	41	34	400	0	0	34	600	20	100	34	1,5
11	Co Mận 1	0	0	22	35	44	230	3	22	46	275	46	250	25	3
12	Co Mận 2	0	0	6	8	26	52	0	0	26	140	7	50	22	0,8
13	Khẩu Cắm	3	3	22	68	28	130	0	0	30	2000	10	100	25	2,5
14	Lọng Háy	5	14	28	79	40	143	1	4	57	116	13	80	24	4
15	Lọng Luống 1	4	15	8	17	46	80	1	8	46	300	3	35	10	2,7
16	Lọng Luống 2	5	13	6	17	30	63	0	0	30	450	10	150	26	2
17	Lọng Nghịu	5	40	5	26	20	90	5	40	34	200	4	30	8	1
18	Phăng 1	2	10	23	41	49	159	0	0	46	210	11	61	15	1,6
19	Phăng 2	0	0	30	35	43	67	0	0	43	327	0	0	40	2,5
20	Phăng 3	1	22	7	19	30	190	1	12	34	300	10	50	10	1
21	Trung tâm	0	0	0	0	5	54	0	0	27	330	1	0	2	0,5
22	Yên 1	0		15	27	28	150	0		10	90	12	80	20	1,5
23	Yên 2	0	0	18	40	50	100	1	10	50	1103	44	397	40	0,6
24	Yên 3	4	4	11	19	16	36	0	0	18	50	0	0	15	1
25	Bản Khá	8	50	24	43	37	250	0	0	37	670	20	130	32	2,5
26	Tân Bình	5	23	17	48	30	54	1	26	32	810	18	200	23	1
Tổng cộng		69	315	444	873	894	3.481	14	142	957	12.139	423	3.023	590	52

(Nguồn: Báo cáo kết quả khảo sát kinh tế-xã hội xã Mường Phăng, tháng 5 năm 2013)

2.3.3 Nuôi trồng thủy sản

Nuôi cá được coi là một hoạt động có những đóng góp quan trọng vào thu nhập của gia đình người dân. Sản phẩm cá của người dân ở xã Mường Phăng khá nổi tiếng và được người tiêu dùng ưa chuộng. Giống cá nuôi chính là trắm cỏ, chép và mè. Một lứa cá nuôi thường kéo dài từ 2-3 năm. Việc chăn nuôi cá thường được thực hiện theo phương pháp quảng canh – người dân chỉ cung cấp cỏ một

một lượng nhỏ cám gạo làm thức ăn cho cá nuôi trong ao. Do vậy, năng suất hàng năm chưa cao, thời gian nuôi kéo dài.

2.3.4 Hoạt động lâm nghiệp

a) Trồng rừng

Hoạt động cũng như kết quả hoạt động trồng rừng ở xã Mường Phăng ở quy mô rất nhỏ. Theo số liệu tính toán được từ thuyết minh Dự án bảo vệ và phát triển rừng huyện Điện Biên giai đoạn 2012-2020, diện tích rừng trồng của xã là 31,8 ha. Xét về nguồn gốc, diện tích rừng này được tạo thành từ hoạt động trồng 42,33 ha rừng thuộc đối tượng rừng phòng hộ với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách (thông qua BQL rừng phòng hộ huyện Điện Biên) - người dân được nhận tiền công trồng rừng và chăm sóc rừng trong 3 năm – do 51 hộ gia đình tiến hành trồng vào năm 2009.

b) Khoanh nuôi tái sinh rừng

Tính đến thời điểm hiện tại có duy nhất một hộ gia đình thực hiện hoạt động khoanh nuôi xức tiền tái sinh với tổng diện tích đã ký kết với BQLRPH huyện Điện Biên là 100,4 ha.

c) Bảo vệ rừng

Hoạt động bảo vệ rừng tự nhiên bắt đầu được người dân trong xã tiến hành vào năm 2008. Đã có 17 hộ gia đình ký hợp đồng bảo vệ 1.561,3 ha với BQLRPH huyện Điện Biên. Chất lượng hoạt động bảo vệ rừng tự nhiên nhìn chung không đạt được yêu cầu. Theo số liệu thống kê của xã Mường Phăng, diện tích đất có rừng theo diện nhận khoán bảo vệ trên địa bàn xã hiện chỉ còn 731 ha. Điều này có nghĩa là một nửa diện tích nhận khoán đã bị mất rừng.

d) Thu hái lâm sản

Sản phẩm thu hái từ rừng hiện nay chỉ là củi, bông chít, măng và một số loại hoa quả rừng, gỗ và một số loại sản phẩm có khối lượng rất nhỏ như mật ong, tre, phong lan, các loại rau rừng và nứa. Mường Phăng có đường giao thông thuận lợi, gần Thành phố Điện Biên Phủ và là nơi có di tích lịch sử Hàm Đại tướng và khu du lịch Hồ Pá Khoang. Do đó, người dân thu hái các sản phẩm như cây thuốc, măng, mật ong,... ngoài phục vụ nhu cầu tiêu dùng còn trở thành các sản phẩm phục vụ khách du lịch. Đây cũng là một hướng đi nhằm tăng thu nhập cho người dân, tuy nhiên cũng cần được quan tâm chú ý để các loại lâm sản này không bị khai thác quá mức.

3. Các vấn đề trong bảo vệ và phát triển rừng ở Mường Phăng

Thuyết minh Dự án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Mường Phăng giai đoạn 2012 - 2020 đã nêu rõ “rừng ngày càng bị thu hẹp, chất lượng rừng giảm, việc đầu tư kinh phí để phát triển rừng hàng năm mang lại kết quả thấp, việc quản lý bảo vệ còn hạn chế”. Hai nguyên nhân chính dẫn đến mất rừng là việc chặt phá rừng để lấy đất canh tác và do khai thác rừng bừa bãi.

III. Kế hoạch hành động REDD+ cấp xã

1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của Kế hoạch hành động REDD+ cấp xã là góp phần phát triển bền vững của xã, duy trì và nâng cao độ che phủ của rừng, nâng cao trữ lượng các-bon, bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao đời sống người dân địa phương thông qua việc thực hiện REDD+ trên địa bàn xã.

2. Các mục tiêu cụ thể

Thực hiện tốt công tác quản lý rừng bền vững, tăng cường các dịch vụ hệ sinh thái của rừng như bảo vệ nguồn nước, phòng tránh thiên tai, giữ gìn cảnh quan, hấp thụ các-bon, bảo tồn đa dạng sinh học và sản xuất lâm sản qua việc nâng cao độ che phủ rừng từ 32% (năm 2012) lên 45% (năm 2020) theo mục tiêu của Dự án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Mường Phăng giai đoạn 2012 – 2020.

Nâng cao đời sống người dân một cách bền vững để hỗ trợ công tác quản lý rừng hiệu quả và góp phần xóa đói giảm nghèo nhằm góp phần vào việc đạt được mục tiêu đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người đạt 17 triệu đồng/người/năm và tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 10%, theo Quy hoạch Phát triển Nông thôn mới xã Mường Phăng giai đoạn 2012 – 2020.

3. Các nhiệm vụ chính

3.1 Nhiệm vụ về bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng

Các hoạt động quản lý rừng như bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng được xây dựng và thực hiện trên cơ sở Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng và Chương trình Chi trả dịch vụ môi trường rừng. Vì vậy, đẩy mạnh các hoạt động bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng thông qua Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng là một nhiệm vụ quan trọng để thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ cấp xã. Nhiệm vụ của từng hoạt động quản lý rừng trên địa bàn xã được tổng hợp trong Bảng 3.1 dưới đây.

Bảng 3.1 Nhiệm vụ Bảo vệ và Phát triển rừng xã Mường Phăng giai đoạn 2013 -2020

Đơn vị (ha)

STT	Bản	Hoạt động						Tổng cộng
		Bảo vệ rừng hiện có	Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên	Khoanh nuôi tái sinh kết hợp trồng bổ sung	Trồng rừng sản xuất	Chăm sóc rừng trồng	Xây dựng vườn rừng	
1	Lọng Luông 1, 2	54,6	6,1	28,1				88.8
2	Lọng Háy	48,5					16,5	65.0
3	Lọng Nghịu	38,7	123,3	15,4	4,2	4,2		181.6
4	Co Luông	38,8			11,6	11,6		50.4
5	Phăng 1, 2, 3	113,0		54,9	16,8	16,8	0,4	185.1
6	Khẩu Cắm	62,5	1,3		29,9	29,9		93.7
7	Cang 1, 2, 3, 4	17,1	19,7		25,1	25,1		61.9
8	Yên 1, 2, 3	24,9						24.9
9	Co Mận 1, 2	14,4					8,0	22.4
10	Bánh	12,7	31,7		30,7	30,7	8,6	83.7
11	Bua	86,7	0,0		30,7	30,7	3,3	120.7
12	Che Cẩn, Co Khô	29,2					13,2	42.4
13	Co Lúu	47,3					20,7	68.0
14	Khá	145,6	39,5	2,5	32,8	32,8		220.3
15	Tân Bình	123,5	162,3	76,2	20,5	20,5		382.5
<i>Tổng cộng</i>		<i>857.6</i>	<i>383,8</i>	<i>177,1</i>	<i>202,3</i>	<i>202,3</i>	<i>70,7</i>	<i>1.691,4</i>

Ghi chú: Diện tích từng hoạt động được tính toán dựa trên số liệu Quyết định số 714/QĐ-UBND của UBND tỉnh Điện Biên ngày 16/09/2013.

3.2 Nhiệm vụ về theo dõi diễn biến rừng

Kế hoạch hành động REDD+ cấp tỉnh nêu rõ việc vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh sau khi được nâng cấp cần được thử nghiệm dựa trên hệ thống hiện có.

Điều hết sức cần thiết khi thực hiện thí điểm hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh sau khi nâng cấp là làm rõ vai trò và trách nhiệm của các bên có liên quan. Đặc biệt là việc rà soát hệ thống theo dõi dựa vào kiểm lâm hiện nay và xem xét sự tham gia của người dân trong hoạt động theo dõi diễn biến rừng.

Việc thực hiện thí điểm hệ thống theo dõi diễn biến rừng sau khi nâng cấp tại Mường Phăng sẽ đúc rút được nhiều bài học kinh nghiệm trong việc thiết kế hệ thống theo dõi diễn biến rừng cho toàn tỉnh, do vậy cần phải đánh giá hệ thống này vào giữa năm 2015 với hy vọng có thể áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh từ năm 2016 đến 2020. Để đảm bảo vận hành thành công hệ thống theo dõi diễn biến rừng sau khi được nâng cấp trên toàn tỉnh thì kết quả thực hiện thí điểm phải được nghiên cứu một

cách kỹ lưỡng về mặt kỹ thuật, có kinh phí để thực hiện không, chi phí thực hiện – lợi ích đem lại ra sao để so sánh với các hệ thống theo dõi diễn biến rừng khác.

Theo Hệ thống theo dõi diễn biến rừng của tỉnh trong Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh, điều không thể thiếu đối với các tổ chức và nhân sự dưới đây là phải tham gia vào hoạt động theo dõi diễn biến rừng ở cấp xã. Ngoài ra, cũng cần phải sắp xếp “trách nhiệm thực hiện” của từng tổ chức này.

- Cấp thôn bản: Người dân, chủ rừng, Ban quản lý bản về quản lý rừng và phát triển sinh kế, tổ tuần tra rừng;
- Các chủ rừng (Ban Quản lý rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng – dưới đây gọi tắt là Ban Quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng, Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Điện Biên);
- Kiểm lâm địa bàn

Các nguồn lực gồm ngân sách, công nghệ, thiết bị và nhân lực thành thạo cần phải được chuẩn bị tốt để vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng. Về tài chính, sẽ sử dụng ngân sách nhà nước để vận hành hệ thống, bởi việc theo dõi diễn biến rừng là một công việc phải thực hiện. Mặt khác, về khía cạnh kỹ thuật, hiện các nhân sự tham gia hệ thống theo dõi diễn biến rừng còn đang thiếu nhiều kỹ năng về sử dụng ảnh vệ tinh cũng như thiết bị GPS. Phần giải pháp thực hiện sẽ trình bày chi tiết hơn cách thức thực hiện nhiệm vụ này. Các trang thiết bị cần thiết như máy ảnh kỹ thuật số hay máy GPS cũng cần phải được trang bị đầy đủ để vận hành hệ thống này.

3.3 Nhiệm vụ về đẩy mạnh các hoạt động phát triển sinh kế cho người dân

Như đã đề cập trong mục 2.2 Phần II, hầu hết người dân trong xã sống dưới mức đói nghèo. Đốt nương làm rẫy trên đất lâm nghiệp đang là hoạt động quan trọng nhất, không chỉ đảm bảo an ninh lương thực mà còn tạo ra nguồn thu nhập bằng tiền để trang trải cho chi tiêu hằng ngày của các hộ gia đình. Tuy nhiên, chính hoạt động đốt nương làm rẫy lại thường gây ra những tác động tiêu cực đối với rừng. Vì vậy, để khuyến khích người dân hạn chế đốt nương làm rẫy trên diện tích quy hoạch cho lâm nghiệp và tham gia tích cực vào các hoạt động quản lý rừng, thì cần phải hỗ trợ cho người dân cải thiện các hoạt động sinh kế thay thế khác để hỗ trợ cho công tác quản lý rừng. Ngoài ra cũng cần phải xây dựng một hệ thống các hoạt động phát triển sinh kế hướng tới quản lý rừng bền vững.

Hơn nữa, vì Mường Phăng là một xã thí điểm thực hiện REDD+, nên cần phải xây dựng những mô hình tăng cường phát triển sinh kế để có thể được áp dụng sang các xã khác trên địa bàn tỉnh. Những mô hình này nên được xây dựng xong trước thời điểm giữa năm 2015.

3.4 Nhiệm vụ về tăng cường thể chế về quản lý rừng và phát triển sinh kế

Ban Chỉ đạo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng cấp xã là đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ của xã. Một trong những nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã là phải xây dựng được một cơ cấu tổ chức phù hợp và khả thi để thực hiện các hoạt động về quản lý rừng, phát triển sinh kế và các hợp phần khác trong Kế hoạch, đặc biệt là tăng cường cơ cấu tổ chức để thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân trong công tác quản lý rừng và phát triển sinh kế.

Khung thể chế bao gồm cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động, quản lý quỹ và xây dựng quy chế quản lý rừng và phát triển sinh kế. Việc xây dựng khung thể chế này là rất quan trọng để thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ của xã.

Hơn nữa, vì Mường Phăng là một xã thí điểm thực hiện REDD+, nên cần phải xây dựng những mô hình cơ cấu tổ chức khả thi về quản lý rừng và phát triển sinh kế, để có thể được áp dụng ở các xã khác trên địa bàn toàn tỉnh.

3.5 Nhiệm vụ về nâng cao năng lực cho cán bộ xã và người dân

Cần nâng cao kiến thức và kỹ năng cho cán bộ xã, cán bộ Ban Quản lý rừng đặc dụng, Kiểm lâm địa bàn cũng như người dân, những người trực tiếp tham gia vào các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế. Phần giải pháp sẽ trình bày cụ thể về cách thức thực hiện nhiệm vụ này.

4. Giải pháp thực hiện

4.1 Giải pháp về thúc đẩy bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng

Các bản và hộ gia đình sẽ là các chủ thể trực tiếp thực hiện các hoạt động bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan như: Ban Quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng, Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Điện Biên, Hạt kiểm lâm để hỗ trợ các bản xây dựng kế hoạch quản lý rừng của bản, bao gồm các hoạt động: bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng; hỗ trợ xây dựng các quy ước quản lý rừng trên địa bàn bản; hướng dẫn kỹ thuật; và thực hiện việc theo dõi diễn biến rừng cũng như các quy ước đã xây dựng.

Theo các chương trình, chính sách về bảo vệ và phát triển rừng hiện tại, hoạt động bảo vệ rừng hiện còn được hỗ trợ theo Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, trong khi các hoạt động phát triển rừng: khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng được hỗ trợ theo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng. Các diện tích rừng được hình thành từ hoạt động khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng, khi được công nhận là rừng thì sẽ được hưởng theo Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (với những diện tích có cung ứng các dịch vụ môi trường), không được hỗ trợ theo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng nữa và ngược lại.

4.1.1 Giải pháp về bảo vệ rừng thông qua Chi trả dịch vụ môi trường rừng kết hợp giao đất giao rừng

Theo dự án Bảo vệ và Phát triển rừng huyện Điện Biên giai đoạn 2012 - 2020 và Quyết định số 714/QĐ-UBND, ngày 16/9/2013 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chuyển đổi diện tích 3 loại rừng tỉnh Điện Biên, tổng diện tích đất có rừng được thiết kế cho hoạt động bảo vệ rừng là 1.369,6 ha và hầu hết diện tích này thuộc rừng đặc dụng (86,6%) và theo kế hoạch giao đất, diện tích này sẽ được giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng. Sau khi được giao đất giao rừng, Ban quản lý sẽ ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng với các thôn bản, hộ gia đình và người dân để thực hiện các hoạt động bảo vệ rừng. Theo đó, người dân sẽ trực tiếp tham gia công tác tuần tra bảo vệ rừng đối với những diện tích rừng đã thuê khoán bảo vệ và được nhận tiền công khoán theo quy định.

Do diện tích đất lâm nghiệp của xã nằm trong diện hưởng chính sách Chi trả dịch vụ môi trường rừng, các bản và người dân có thể được hưởng trực tiếp từ quỹ bảo vệ rừng cấp tỉnh (đối với những diện tích do mình làm chủ) hoặc thông qua Ban quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng (đối với diện tích nhận khoán bảo vệ).

Để chính sách Chi trả dịch vụ môi trường rừng thực hiện chi trả đúng đối tượng, diện tích thì công tác giao đất giao rừng là một trong số các điều kiện tiên quyết. Theo Kế hoạch số 388/KH-UBND, toàn bộ diện tích đất có rừng sẽ được giao hết trong năm 2014, tuy nhiên, rừng càng sớm có chủ, thì tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng càng sớm được giải ngân.

Để tránh những mâu thuẫn và tranh chấp xảy ra trong và sau quá trình giao, xã cần khuyến khích người dân tham gia vào tất cả các bước của quá trình giao đất giao rừng như: quá trình rà soát lại diện tích đất lâm nghiệp đã giao theo Nghị định số 163/NĐ-CP, quá trình xây dựng phương án, quá trình giao đất, cắt mốc ngoài thực địa,... Việc giao đất, giao rừng làm cho rừng có chủ thực sự, từ đó người dân có trách nhiệm hơn với việc bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt khi họ được hưởng lợi từ rừng được giao theo các quy định hiện hành và theo chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Đối với những diện tích rừng đã được giao và hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng, chủ rừng phải cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng như: cấm chăn thả trâu bò, quản lý lửa rừng không để cháy rừng, thường xuyên tuần tra canh gác để tránh chặt trộm gỗ,... vào cuối năm, quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng sẽ tiến hành kiểm tra rà soát lại diện tích rừng, nếu đảm bảo diện tích mà không bị thiệt hại thì được thanh toán theo diện tích, nếu mất rừng thì phải giải trình lý do mất rừng (trường hợp tự ý phá rừng sẽ bị xử lý theo pháp luật).

Để công tác bảo vệ rừng được tốt hơn, gắn với hưởng lợi của người dân, cần xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng tiền thu được từ chi trả dịch vụ môi trường rừng như: trích một phần để cho công tác tuần tra, khen thưởng những người phát hiện vi phạm rừng, 1 phần trích cho các hoạt động phúc lợi của bản như: làm đường bản, xây nhà cộng đồng, quỹ khuyến học, quỹ bảo vệ và phát triển rừng của bản, 1 phần chi trả cho những người chủ rừng,... có thể lồng ghép hương ước, quy ước bản trong việc

quản lý, sử dụng tiên thu được và xử lý các vấn đề phát sinh để rừng được bảo vệ ngày một tốt hơn.

4.1.2 Giải pháp về khoanh nuôi tái sinh rừng

Theo số liệu trong Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng huyện Điện Biên giai đoạn 2012 - 2020, tổng diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng trên địa bàn xã Mường Phăng là 1.593 ha, trong đó có khoảng 383,8 ha đất trống có cây gỗ rải rác (Ic). Nếu được khoanh nuôi tái sinh tự nhiên phù hợp, sau 5 năm diện tích này có thể chuyển trạng thái thành rừng (IIa). Theo Kế hoạch 388/KH-UBND, toàn bộ diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng cũng sẽ được giao cho các chủ đất cùng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp vào năm 2015.

UBND huyện Điện Biên đã có sáng kiến nhằm rút ngắn thời gian cũng như tiến độ giao đất giao rừng, ưu tiên cho xã Mường Phăng.

Đối với các chủ đất là thôn bản, hộ gia đình và cá nhân, để hoạt động khoanh nuôi tái sinh đảm bảo thành công, toàn bộ diện tích đầu tư sau 5 năm đều chuyển trạng thái thành rừng, họ cần ký một hợp đồng cho thuê lại đất lâm nghiệp (trạng thái Ic) với UBND xã Mường Phăng để khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên thành rừng. Theo cách này, bên nhận hợp đồng (UBND xã Mường Phăng) sẽ phải trả trước một khoản tiền tương ứng với đơn giá khoanh nuôi bảo vệ (tối đa 200.000 VNĐ/ha/năm theo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng huyện Điện Biên giai đoạn 2012-2020, nhưng phải trừ đi phần lãi ngân hàng trong 5 năm theo lãi suất ưu đãi) cho toàn giai đoạn hợp đồng 5 năm cho bên giao hợp đồng (các chủ đất). Và đổi lại, các hoạt động canh tác nương của chủ đất trên những diện tích đã ký kết trong hợp đồng sẽ chắc chắn được ngăn chặn. Sau 5 năm khoanh nuôi tái sinh, các diện tích đó sẽ thành rừng và được hưởng Chi trả dịch vụ môi trường rừng và đến thời điểm đó, hợp đồng sẽ kết thúc. Các nguồn tài chính tiềm năng để thực hiện giải pháp này có thể là vốn vay ngân hàng với lãi suất thấp, với bên đi vay là UBND xã Mường Phăng, bên bảo lãnh khoản vay là ngân sách của tỉnh phân bổ cho Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng và tài sản thế chấp là các diện tích khoanh nuôi bảo vệ đã ký kết giữa chủ đất và UBND xã Mường Phăng. Tiền trả hàng năm do chủ đầu tư chi trả cho UBND xã để UBND trả ngân hàng hàng năm. Ngoài ra còn có thể trông đợi vào các nguồn hỗ trợ, đầu tư của các nhà tài trợ, nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Khoản tiền trả trước theo hợp đồng có thể được đưa vào Quỹ bản (với diện tích đất được giao cho cộng đồng) để sử dụng với mục đích phát triển sinh kế cho người dân trong bản. Đối với các diện tích đất Ic nằm trong diện tích quy hoạch rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng có thể làm theo giải pháp này nếu Ban này không thể kiểm soát được các hoạt động canh tác nương rẫy trên diện tích đã được giao quản lý. Điều quan trọng của giải pháp này là các chủ đất phải tự nguyện cho thuê lại đất trạng thái Ic và UBND xã phải chủ động và sẵn sàng đứng ra.

Thực hiện hoạt động khoanh nuôi tái sinh theo cách thức như trong Kế hoạch Bảo vệ và phát triển rừng. Các diện tích đưa vào khoanh nuôi tái sinh cần được điều tra, đo đếm cụ thể để đảm bảo rằng mật độ, chiều cao cây tái sinh triển vọng đảm bảo theo quy định. Việc thực hiện các bước khoanh nuôi tái sinh tự nhiên theo quy phạm ngành 21-98 ban hành tại Quyết định số 175/QĐ/BNN/KHC. Chủ đầu tư cần tiến hành kiểm tra định kỳ để theo dõi và kiểm tra chất lượng diện tích khoanh nuôi tái sinh, đồng thời đánh giá khả năng thành rừng cũng như những vấn đề về xâm hại rừng.

Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ thành lập đoàn đánh giá để đánh giá rừng được hình thành từ hoạt động khoanh nuôi. Trường hợp, một số diện tích chưa chuyển trạng thái thành rừng, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí nguồn vốn để tiếp tục đầu tư khoanh nuôi những diện tích này thành rừng.

4.1.3 Giải pháp thúc đẩy trồng rừng

Các diện tích đất trống Ia, Ib trong cả rừng đặc dụng và rừng sản xuất có thể phù hợp cho phát triển trồng rừng. Theo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng, kết quả mong đợi của hoạt động trồng rừng trong rừng sản xuất trong giai đoạn 2012-2020 là trồng được 202,3 ha. Các hoạt động trồng rừng trong rừng sản xuất sẽ được hỗ trợ theo các quy định tại Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 66/2011/QĐ-TTg về một số chính sách phát triển rừng sản xuất.

Nhận thức của người dân và vấn đề về kỹ thuật trồng rừng là những vấn đề quan trọng trong khuyến khích người dân có đất tham gia trồng rừng. Tuy nhiên, do đại đa phần người dân đều không có vốn để đầu tư trồng rừng; thực tế, do tập quán canh tác từ lâu đời nên khó có thể áp dụng đúng quy trình kỹ thuật được hướng dẫn. Một trong các giải pháp để khắc phục vấn đề này là các nhà đầu tư

trong nước và quốc tế cùng hợp tác với nhau để phát triển trồng rừng sản xuất, để đảm bảo đầu ra và giá gỗ khi bán và đảm bảo việc quản lý rừng trồng theo tiêu chí kỹ thuật của các đơn vị tư vấn và của các cơ quan quản lý liên quan. Ngoài ra, cũng nên nhân rộng các mô hình thành công về trồng rừng sản xuất đối với các địa bàn khác trong xã để phát triển rừng sản xuất.

Hoạt động trồng rừng đặc dụng không hấp dẫn người dân bởi sản phẩm rừng trồng không thu hoạch được. Do đó, Ban quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng cần vận dụng ngân sách một cách linh hoạt và các chính sách hiện hành để phát triển rừng trồng trong rừng đặc dụng. UBND tỉnh cần xem xét, ưu tiên bố trí nguồn vốn cho việc trồng rừng đặc dụng. Sau khi những diện tích đó thành rừng và được công nhận, Chi trả dịch vụ môi trường rừng sẽ được áp dụng đối với những diện tích đó.

Ngoài ra, hiện đang có hai nhà máy chế biến các sản phẩm gỗ và tre nứa đã được xây dựng và đi vào hoạt động trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Đây là một trong những động lực khuyến khích người dân có đất rừng sản xuất tích cực trồng rừng bởi họ có thể thu hoạch rừng trồng để bán cho các nhà máy, tạo thêm thu nhập.

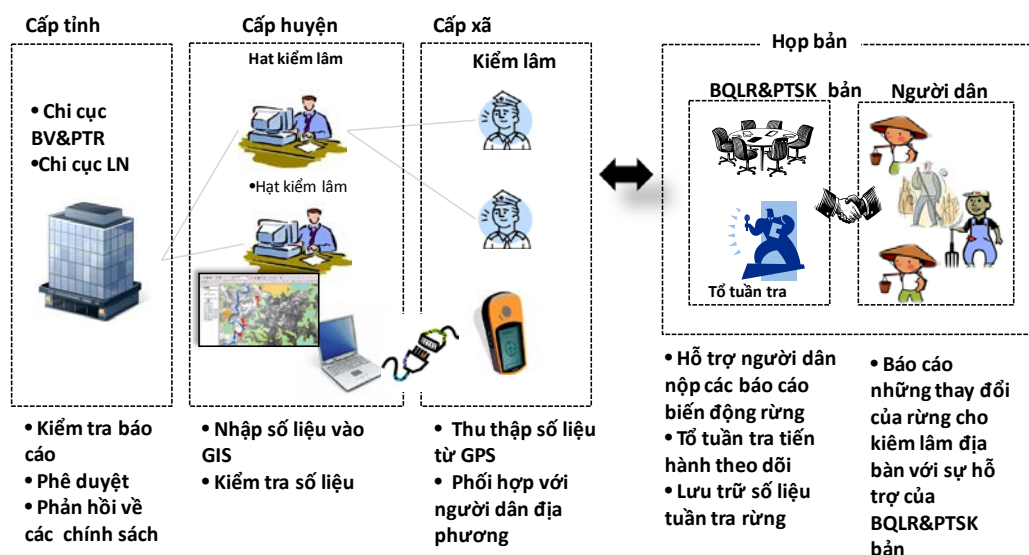
Các hoạt động và kế hoạch thực hiện các hoạt động liên quan đến bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng được mô tả trong Bảng 1 phần Phụ lục 1.

4.2 Giải pháp về việc thiết lập và vận hành thí điểm Hệ thống theo dõi diễn biến rừng

4.2.1 Thiết lập và vận hành thí điểm Hệ thống theo dõi diễn biến rừng

1) Cấu trúc hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp xã

Để thực hiện tốt việc vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng đã được nâng cấp, BQLR&PTSK cần phải phối hợp và hợp tác với kiêm lâm địa bàn một cách chặt chẽ và hiệu quả. Hệ thống theo dõi rừng cấp xã được mô tả như trong sơ đồ 4.1.



Sơ đồ 4.1 Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp xã

2) Các lĩnh vực cần theo dõi

Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh sau khi nâng cấp được thiết kế dựa trên hệ thống theo dõi diễn biến rừng hiện tại của tỉnh. Vì vậy, hệ thống theo dõi diễn biến rừng sau khi nâng cấp vẫn tuân theo các chính sách hiện hành của chính phủ liên quan tới theo dõi rừng theo các văn bản hướng dẫn hiện hành. Theo những chính sách này, các vấn đề cần theo dõi được xác định như sau:

- Diện tích rừng giảm

- Diện tích rừng tăng
- Số lượng thay đổi
- Nguyên nhân thay đổi (mất rừng, trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng)

3) Trách nhiệm thực hiện theo dõi

Cách ghi chép ở thực địa, cách thức báo cáo từng nhiệm vụ được chỉ rõ trong tài liệu hướng dẫn của hệ thống giám sát rừng cấp tỉnh. Trong hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp xã sau khi nâng cấp, trách nhiệm của các ban ngành có liên quan như sau:

Phòng/Bộ phận/Nhóm	Thực hiện theo dõi	Thời gian												
Bản	<ul style="list-style-type: none"> • Theo dõi và phát hiện những thay đổi của rừng và báo cáo cho kiểm lâm địa bàn • Báo cáo nên được nộp qua các buổi họp Ban chỉ huy xã và/hoặc họp UBND xã hàng tháng. • Trường hợp khẩn cấp cần báo cáo ngay 	Hàng tháng												
	<table border="1"> <tr> <td>Người dân</td> <td>Kiểm tra xem diện tích rừng tăng/giảm tại khu vực họ chịu trách nhiệm quản lý theo Kế hoạch quản lý rừng của bản</td> <td>Thỉnh thoảng</td> </tr> <tr> <td>Chủ rừng (Hộ gia đình và bản)</td> <td>Kiểm tra rừng tăng/giảm trên diện tích thuộc quyền sở hữu của họ và trên diện tích thực hiện Kế hoạch quản lý rừng của bản</td> <td>Hàng tháng, Thỉnh thoảng</td> </tr> <tr> <td>Đội tuần tra rừng của bản</td> <td>Tuần tra các khu vực rừng được bảo vệ và báo cáo cho BQLR&PTSK nếu phát hiện những thay đổi trong rừng</td> <td>Thỉnh thoảng</td> </tr> <tr> <td>BQLR&PTSK</td> <td>Ghi chép số liệu về diện tích rừng tăng/giảm do người dân và chủ rừng báo cáo theo mẫu đưa ra</td> <td>Hàng tháng</td> </tr> </table>	Người dân	Kiểm tra xem diện tích rừng tăng/giảm tại khu vực họ chịu trách nhiệm quản lý theo Kế hoạch quản lý rừng của bản	Thỉnh thoảng	Chủ rừng (Hộ gia đình và bản)	Kiểm tra rừng tăng/giảm trên diện tích thuộc quyền sở hữu của họ và trên diện tích thực hiện Kế hoạch quản lý rừng của bản	Hàng tháng, Thỉnh thoảng	Đội tuần tra rừng của bản	Tuần tra các khu vực rừng được bảo vệ và báo cáo cho BQLR&PTSK nếu phát hiện những thay đổi trong rừng	Thỉnh thoảng	BQLR&PTSK	Ghi chép số liệu về diện tích rừng tăng/giảm do người dân và chủ rừng báo cáo theo mẫu đưa ra	Hàng tháng	
Người dân	Kiểm tra xem diện tích rừng tăng/giảm tại khu vực họ chịu trách nhiệm quản lý theo Kế hoạch quản lý rừng của bản	Thỉnh thoảng												
Chủ rừng (Hộ gia đình và bản)	Kiểm tra rừng tăng/giảm trên diện tích thuộc quyền sở hữu của họ và trên diện tích thực hiện Kế hoạch quản lý rừng của bản	Hàng tháng, Thỉnh thoảng												
Đội tuần tra rừng của bản	Tuần tra các khu vực rừng được bảo vệ và báo cáo cho BQLR&PTSK nếu phát hiện những thay đổi trong rừng	Thỉnh thoảng												
BQLR&PTSK	Ghi chép số liệu về diện tích rừng tăng/giảm do người dân và chủ rừng báo cáo theo mẫu đưa ra	Hàng tháng												
Ban quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng	<ul style="list-style-type: none"> • Theo dõi diễn biến trong rừng đặc dụng, giám sát các hoạt động ở cấp thôn bản và báo cáo trực tiếp cho UBND xã 	Hàng tháng												
Kiểm lâm địa bàn	<ul style="list-style-type: none"> • Đo đạc những thay đổi của rừng để đối chiếu với báo cáo từ bản và kiểm tra ngẫu nhiên một số địa điểm đó • Báo cáo những thay đổi của rừng lên UBND xã và Hạt kiểm lâm huyện kèm theo các bằng chứng (hàng tháng) • Phối hợp với các cơ quan hữu quan để nâng cao nhận thức cho người dân 	Hàng tháng												

4.2.2 Đánh giá hệ thống theo dõi diễn biến rừng sau khi nâng cấp

Vào giữa năm 2015, xã sẽ phối hợp với Hạt kiểm lâm và Ban Quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng để tiến hành rà soát và đánh giá hệ thống theo dõi diễn biến rừng sau khi nâng cấp ở những khía cạnh sau: (1) kỹ thuật và tính khả thi về tài chính của hệ thống, và (2) so sánh chi phí và hiệu quả của hệ thống theo dõi diễn biến rừng sau khi nâng cấp với các phương pháp khác bao gồm cả theo dõi dựa

trên ảnh vệ tinh.

(1) Khía cạnh kỹ thuật và tính khả thi về tài chính

Phần lớn trách nhiệm trong hệ thống giám sát rừng hiện tại đều do kiểm lâm đảm nhận. Nhưng địa bàn quản lý của từng kiểm lâm lại rất rộng và có diện tích rừng lớn cần phải theo dõi trên địa bàn xã Mường Phăng. Vì vậy rất khó để triển khai hệ thống theo dõi rừng của tỉnh một cách chính xác và nhịp nhàng. Ngoài ra, trình độ kỹ thuật của kiểm lâm cũng rất khác nhau và vì vậy việc nâng cao năng lực có đủ trình độ cho đội ngũ này để họ thu thập được các thông tin chất lượng là điều rất cần thiết. Để đánh giá được tính khả thi về mặt kỹ thuật, cần phải tiến hành đánh giá độ chính xác của công tác tuần tra và báo cáo ngay từ cấp thôn bản. Trong quá trình này, cần sử dụng ảnh vệ tinh có độ phân giải cao để đánh giá độ chính xác của các hoạt động.

(2) Chi phí - Hiệu quả

Khi mô hình hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh sau khi nâng cấp hoàn toàn, để mô hình đó có thể áp dụng sang các địa phương khác trong tỉnh thì cũng cần phải kiểm tra tính khả thi về chi phí – hiệu quả của hệ thống này. Để đánh giá quá trình này, cần phải lên kế hoạch sử dụng ảnh vệ tinh có độ phân giải cao để kiểm tra chéo với kết quả của hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh. Ảnh vệ tinh độ phân giải cao sẽ giúp việc phát hiện những thay đổi rừng một cách chính xác và có thể bao quát toàn bộ địa bàn thí điểm như những gì quan sát được ở thực tế. Như vậy, hệ thống này sẽ được sử dụng để thẩm định số liệu khảo sát thực tế trong hệ thống theo dõi diễn biến rừng của tỉnh. Và như vậy, có thể so sánh các chi phí thực hiện hệ thống theo dõi diễn biến rừng của tỉnh với các chi phí mua ảnh và số liệu vệ tinh đó. Công việc này được lên kế hoạch thực hiện đến cuối năm 2015. Việc mua các số liệu và ảnh vệ tinh và cách thức để có các số liệu đó cần phải được xác định và cân nhắc xem liệu có kinh phí để mua không và các số liệu, ảnh vệ tinh có sẵn để bán không.

Trong hệ thống theo dõi diễn biến rừng sau khi nâng cấp, thì suy thoái rừng không phải là yếu tố cần theo dõi. Các chính sách hiện hành của chính phủ về theo dõi rừng không yêu cầu việc theo dõi suy thoái rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng. Về mặt kỹ thuật, việc đo đạc và đánh giá hiện trạng rừng (suy thoái và khoanh nuôi tái sinh) do người dân thực hiện đòi hỏi phải có chuyên môn cao bởi vì đánh giá chất lượng rừng liên quan tới các điểm khảo sát. Tuy nhiên, suy thoái rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng đang diễn ra trên diện rộng và là thách thức cơ bản trong công tác quản lý rừng tại địa bàn thí điểm. Vì vậy, khả năng và tính khả thi của hoạt động theo dõi diễn biến chất lượng rừng nên được tìm hiểu và đánh giá trước giữa năm 2015.

Các bài học kinh nghiệm từ việc đánh giá trên sẽ đóng góp vào việc chỉnh sửa hệ thống theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh.

4.3 Giải pháp về phát triển sinh kế cho người dân thông qua các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và các hoạt động sản xuất khác

Hỗ trợ phát triển sinh kế dựa trên Kế hoạch phát triển sinh kế cấp bản nên được thực hiện theo các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Chỉ người dân cam kết tham gia bảo vệ rừng và / hoặc phát triển rừng như quy định trong Kế hoạch quản lý rừng của bản thì mới được nhận hỗ trợ phát triển sinh kế. Ngoài ra, quy ước/giao khoán với người dân cũng phải nêu rõ khi người dân cam kết bảo vệ rừng thì họ mới được tham gia vào các hoạt động phát triển sinh kế.
- Các hoạt động phát triển sinh kế không được gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xung quanh và tài nguyên thiên nhiên.
- Không chỉ tăng thu nhập và tăng sản lượng lương thực mà các hoạt động đó cần xét đến khả năng giảm thiểu nguồn lực và chi phí đầu vào.
- Người dân đóng vai trò trung tâm trong việc lập kế hoạch để thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động sinh kế mà họ đảm nhận.
- Phát triển sinh kế không chỉ tập trung vào hỗ trợ kinh phí mà còn bao gồm nâng cao năng lực và nâng cao nhận thức cho người dân và các bên có liên quan khác.
- Các hoạt động hỗ trợ cần được thực hiện công khai, minh bạch và xem xét yếu tố công bằng

xã hội.

- Nên lựa chọn các hoạt động phát triển sinh kế phù hợp với điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội trong xã và bản. Vì có tới 26 bản trong xã nên khi chọn các hoạt động phát triển sinh kế để hỗ trợ cần phải xem xét cẩn thận hiệu quả thực hiện.
- Hỗ trợ phát triển sinh kế nên thúc đẩy cộng đồng sử dụng các nguồn lực sẵn có tại địa phương.
- Cần xem xét kỹ thị trường, các rủi ro, các khoản đầu tư cần thiết và chi phí và lợi ích trước khi lựa chọn hoạt động.

Hỗ trợ cho người dân thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Phân tích các nguồn lực sẵn có và các hoạt động sinh kế hiện có tại bản.

Bước 2: Xây dựng Kế hoạch Phát triển sinh kế dựa vào bản.

Bước 3: Thành lập các nhóm nhỏ theo từng hoạt động, phân tích từng hoạt động được đề xuất trong kế hoạch và xây dựng các quy ước hoạt động của nhóm.

Bước 4: Hướng dẫn người dân xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết hàng năm của từng nhóm sở thích.

Bước 5: Hướng dẫn, tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật để người dân thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế trong quá trình thực hiện.

Bước 6: Thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế.

Bước 7: Khuyến khích và thúc đẩy việc chi trả vào quỹ của bản trong trường hợp sử dụng theo hình thức vay vốn quy mô nhỏ hoặc chuyển con giống/nguyên vật liệu cho hộ tiếp theo trong trường hợp quay vòng con giống. Sau đó, sẽ cho các hộ khác trong bản vay tiếp.

Có chín hoạt động phát triển sinh kế dự kiến được thực hiện trong xã. Hoạt động phổ biến nhất là trồng rau, hoạt động phổ biến tiếp theo là làm bếp cải tiến. Tiếp theo là nuôi lợn và trồng cây ăn quả và nuôi cá. Các hoạt động cụ thể được thực hiện tại từng bản được liệt kê trong bảng sau đây.

Bảng 4.3 Danh mục các hoạt động tại từng bản

Bản	Bua	Bánh	Cang 1	Cang 2	Cang 3	
Nuôi lợn	✓		✓	-	✓	
Nuôi gà				-		
Nuôi cá	✓	✓	✓	-	✓	
Trồng cây ăn quả	✓	✓	✓	-	✓	
Trồng rau	✓	✓	✓	-	✓	
Trồng nấm		✓	✓	-	✓	
Trồng cỏ	✓		✓	-	✓	
Bếp cải tiến	✓	✓	✓	-	✓	
Bi ô ga				-		
Bản	Cang 4	Che Cẩn	Co Khô	Co Đú	Co Đuống	
Nuôi lợn	✓	✓	✓			
Nuôi gà					✓	
Nuôi cá	✓	✓	✓		✓	
Trồng cây ăn quả	✓	✓	✓		✓	
Trồng rau	✓	✓	✓	✓	✓	
Trồng nấm		✓				
Trồng cỏ	✓					
Bếp cải tiến	✓	✓	✓		✓	
Bi ô ga				✓		
Bản	Co Mận 2	Co Mận 1	Khá	Khẩu Cắm	Lọng Háy	
Nuôi lợn		✓	✓		✓	
Nuôi gà			✓			
Nuôi cá		✓		✓		
Trồng cây ăn quả	✓	✓		✓		
Trồng rau	✓	✓	✓	✓	✓	
Trồng nấm	✓	✓	✓	✓		
Trồng cỏ				✓		
Bếp cải tiến	✓	✓		✓	✓	
Bi ô ga						
Bản	Lọng Luông 1	Lọng Luông 2	Lọng Nghịu	Phăng 1	Phăng 2	
Nuôi lợn		✓	✓	✓	✓	
Nuôi gà						
Nuôi cá				✓	✓	
Trồng cây ăn quả				✓	✓	
Trồng rau	✓	✓	✓	✓	✓	
Trồng nấm		✓		✓	✓	
Trồng cỏ				✓	✓	
Bếp cải tiến				✓	✓	
Bi ô ga						
Bản	Phăng 3	Tân Bình	Yên 1	Yên 2	Yên 3	Cộng
Nuôi lợn	✓	✓	✓	✓		17
Nuôi gà						2
Nuôi cá	✓	✓	✓	✓		16
Trồng cây ăn quả	✓	✓	✓	✓		17
Trồng rau	✓	✓	✓	✓		23
Trồng nấm	✓	✓	✓	✓		15
Trồng cỏ	✓		✓			9
Bếp cải tiến	✓	✓	✓	✓	✓	19
Bi ô ga		✓				2

Ghi chú: Kế hoạch và các hoạt động phát triển sinh kế nêu trên có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại từng bản trong từng năm.

Đặc biệt, các hộ dân thuộc các bản sống xung quanh hồ Lọng Luông có thể sử dụng diện tích mặt nước của hồ để phát triển các hoạt động nuôi cá để tăng thêm thu nhập. Hồ Lọng Luông bắt đầu tích nước từ tháng 05/2013 và cung cấp nước tưới cho 100 ha lúa hai vụ và 150 ha lúa một vụ vùng hạ lưu.

Cơ cấu hỗ trợ cũng cần phải có do còn thiếu cán bộ khuyến nông, thú y xã tham gia vào các hoạt động. Thực tế, số lượng cán bộ khuyến nông làm việc ở cấp xã còn rất hạn chế, do đó cần đề nghị các ban bộ cấp huyện xuống xã hỗ trợ để đảm bảo cung cấp đủ các dịch vụ khuyến nông cho người dân.

Cần phải thiết lập một hệ thống quản lý quay vòng nguồn vốn để thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế. Việc quản lý nguồn vốn của bản thông qua Ban QLR&PTSK là một yếu tố quan trọng để thực hiện các hoạt động trong hệ thống này. Ngoài ra, cũng cần phải có sự theo dõi giám sát của UBND và cán bộ xã về việc sử dụng quỹ bản, thông qua các báo cáo tài chính thường kỳ của các Ban QLR&PTSK.

Các hoạt động trồng trọt và chăn nuôi thường có những rủi ro nhất định. Ví dụ, dịch bệnh ở động vật nói chung (như dịch tai xanh ở lợn, cúm gia cầm ở gà vịt, ...) Cần phải áp dụng các biện pháp phòng chống dịch bệnh phù hợp.

Như đã đề cập trong phần Nhiệm vụ trọng tâm 3.3, các mô hình tăng cường phát triển sinh kế nên được xác định trước giữa năm 2015 thông qua thực hiện thí điểm để sau đó sẽ áp dụng sang các xã khác địa bàn toàn tỉnh. Do vậy, cần phải xem xét và đánh giá kết quả của các hoạt động phát triển sinh kế trong xã trước giữa năm 2015.

Sau năm 2016, mô hình phát triển sinh kế này sẽ tiếp tục được thực hiện trên địa bàn xã đến năm 2020.

Kế hoạch các hoạt động phát triển sinh kế được trình bày trong Phụ lục 1, Bảng 3.

4.4 Giải pháp về thiết lập và tăng cường khung thể chế cho hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế có xem xét các hoạt động REDD+

4.4.1 Thiết lập và tăng cường cơ khung thể chế cấp xã

Ở cấp xã, Ban chỉ đạo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng (Ban chỉ huy xã) sẽ đóng vai trò trung tâm trong công tác quản lý thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã. Sơ đồ 4.2 dưới đây mô phỏng cơ chế quản lý và điều phối thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã. Cần bổ sung thêm các chức năng sau đây vào vai trò và trách nhiệm hiện tại của Ban chỉ huy, và các Ban Quản lý bản về quản lý rừng và phát triển sinh kế của các bản phải hiểu rõ chức năng này.

1) Thực thi Kế hoạch hành động REDD+ của xã để thúc đẩy việc quản lý rừng bền vững trên địa bàn xã;

2) Hướng dẫn và hỗ trợ thành lập và vận hành của Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế ở các bản;

3) Hướng dẫn và trợ giúp công việc chuẩn bị Kế hoạch quản lý rừng dựa vào thôn bản; và Kế hoạch Phát triển sinh kế;

4) Thảo luận với UBND xã để lồng ghép Kế hoạch hành động REDD+ với các dự án có liên quan trên địa bàn xã để đạt được các mục tiêu đã nêu trong Kế hoạch Hành động REDD+ của xã;

5) Báo cáo cho UBND xã kết quả theo dõi và thông tin cập nhật diễn biến rừng và đất lâm nghiệp;

6) Rà soát và điều chỉnh lại Kế hoạch hành động REDD+ của xã;

7) Định kỳ sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã; và

8) Định kỳ tổng hợp, báo cáo lên Ban chỉ đạo Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng cấp huyện.

Thành viên trong Ban chỉ huy xã bao gồm:

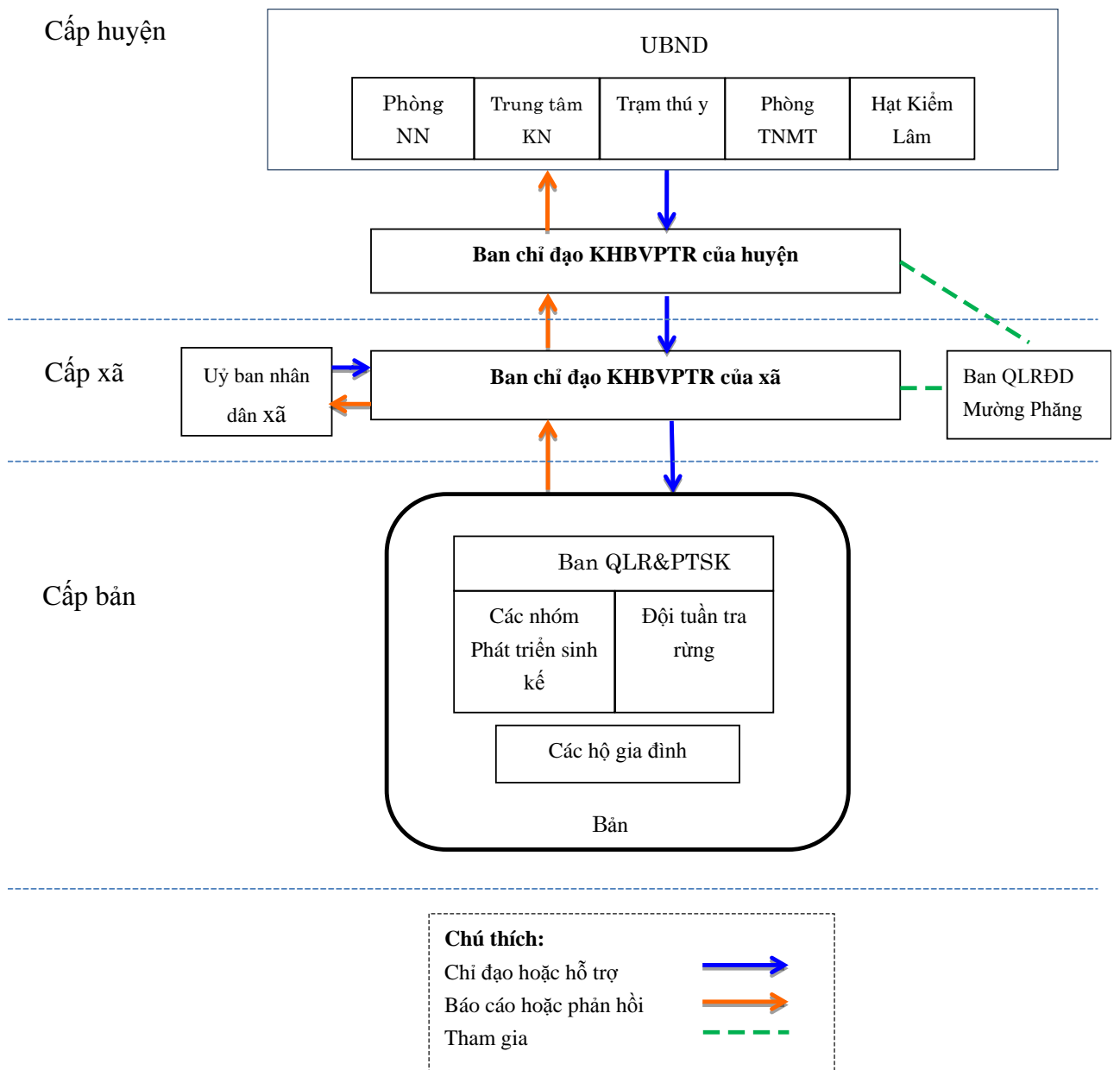
- Đại diện UBND xã làm Trưởng ban;
- Kiểm lâm địa bàn làm Phó ban;
- Các thành viên khác là đại diện của Đảng ủy xã, đội bảo vệ rừng của xã, cán bộ địa chính, cán bộ khuyến nông, cán bộ phụ trách nông nghiệp, lâm nghiệp và công an xã và các trưởng bản. Đại

diện cấp huyện như UBND huyện và Ban Quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng có thể là quan sát viên tham dự các cuộc họp định kỳ.

Tuy nhiên, do thiếu nhân lực như cán bộ khuyến nông trong xã vì vậy rất khó để triển khai các hoạt động tuyên truyền về quản lý rừng và phát triển sinh kế ở tất cả các bản khi mà chỉ có cán bộ xã. Vì vậy, cần phải xây dựng một hệ thống hỗ trợ với các cán bộ ở các phòng ban chuyên môn cấp huyện. Vì xã Mường Phăng có tới 26 bản nên rất khó để cán bộ xã có thể hỗ trợ tất cả các bản trong việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện. Do vậy, các ban ngành có liên quan ở cấp huyện như Hạt kiểm lâm, Phòng nông nghiệp, Trạm thú y, Trạm khuyến nông cũng nên tham gia hỗ trợ các hoạt động ở dưới bản.

- Trong các hoạt động quản lý rừng, không chỉ có các kiểm lâm địa bàn thuộc Hạt kiểm lâm phụ trách các xã mà còn có các cán bộ của Ban Quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng cũng cần phải tham gia vào nhóm hỗ trợ này.
- Đối với các hoạt động phát triển sinh kế, các cán bộ của Phòng nông nghiệp, Trung tâm Khuyến nông, Trạm thú y cũng cần phải hỗ trợ người dân.

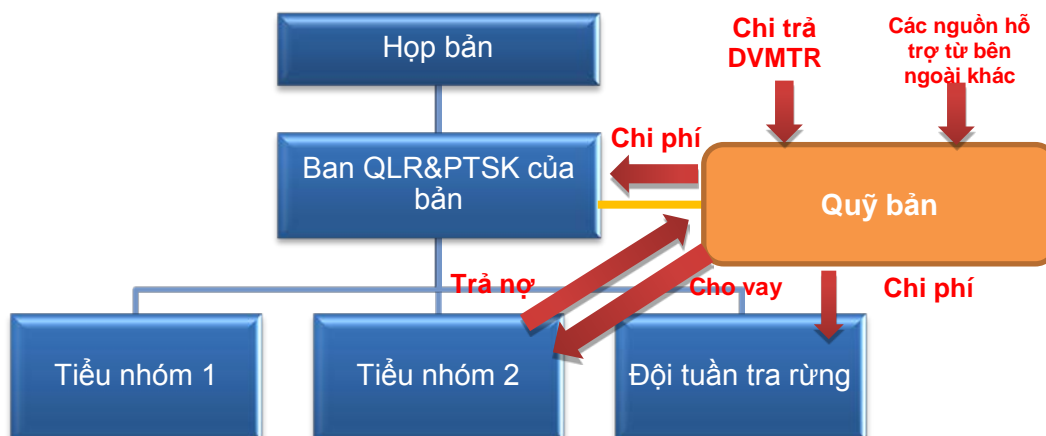
Cơ chế Quản lý và Điều phối thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ của xã được trình bày trong Sơ đồ 4.2 dưới đây.



Sơ đồ 4.2 Cơ chế Quản lý và Điều phối thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ của xã

4.4.2 Thiết lập và tăng cường khung thể chế

Khung thể chế thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã tại cấp bản được minh họa theo sơ đồ 4.3 dưới đây:



Sơ đồ 4.3 Khung thể chế thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã tại cấp bản.

Mỗi bản sẽ thành lập ra một Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế để quản lý và điều phối các hoạt động phát triển sinh kế và quản lý rừng trên địa bàn bản. Trường hợp bản đã có một đơn vị có chức năng chuyên về quản lý rừng, thì có thể sử dụng chính đơn vị đó để tổ chức và điều phối các hoạt động. Nhiệm vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của bản như sau:

1. Điều phối các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế;
2. Đảm bảo tất cả các quy định và kế hoạch về quản lý rừng của bản được người dân thực hiện nghiêm túc;
3. Điều phối để thành lập các nhóm nhỏ theo các hoạt động sinh kế chủ đạo như chăn nuôi;
4. Đảm bảo tất cả các hoạt động sinh kế trong bản được thực hiện theo đúng kế hoạch và quy định đã đề ra cũng như các yêu cầu kỹ thuật;
5. Đảm bảo hệ thống quay vòng vay con giống hoạt động hiệu quả;
6. Vận hành và quản lý việc sử dụng Quỹ bản;
7. Phối hợp với UBND xã trong việc xử lý vi phạm trong quản lý rừng hoặc các quy định liên quan tới phát triển sinh kế; và
8. Phối hợp với UBND xã và cán bộ kiểm lâm địa bàn;

Ban quản lý rừng và phát triển sinh kế của bản gồm các thành viên sau:

1. **Trưởng ban:** Quản lý và chỉ đạo thực hiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế, và quản lý quỹ bản.
2. **Phó ban:** Giúp trưởng ban quản lý các hoạt động, thay thế trưởng ban khi trưởng ban vắng mặt.
3. **Thư ký:** Ghi chép báo cáo, giữ quỹ.
4. **Kế toán:** Phụ trách sổ sách và báo cáo kế toán.

Tiếp đến, nên thành lập các nhóm sở thích dựa trên các hoạt động phát triển sinh kế như nuôi gà và họ sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động đó cũng như trả nợ nếu cần thiết. Ngoài ra, cần thành lập Đội tuần tra rừng để theo dõi các hoạt động bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng, và thực hiện một số phần việc trong theo dõi diễn biến rừng trong Hệ thống theo dõi rừng của tỉnh như đã đề cập trong phần 4.2.

Dự kiến, các nguồn thu chính của Quỹ bản được lấy từ các khoản tiền trả nợ vay và phí quản lý do người dân đóng góp khi thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế cũng như tiền từ Chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các hoạt động bảo vệ rừng. Ngoài ra, các khoản hỗ trợ đang có và có thể có từ chính phủ, các đơn vị tài trợ, các tổ chức phi chính phủ...cũng có thể là những nguồn thu được sử

dụng vào Quỹ bản.

Tiền trong quỹ bản có thể được sử dụng cho các mục đích sau, ví dụ:

- Chi phí quản lý cho Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của bản;
- Chi trả cho đội tuần tra rừng;
- Các hoạt động khác về quản lý rừng;
- Cải thiện cơ sở hạ tầng thông thường của bản;
- Cho vay vốn quy mô nhỏ để phát triển sinh kế;

Cách thức sử dụng nguồn quỹ này sẽ được Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế của bản xem xét và quyết định.

Bảng 4 Phụ lục 1 mô tả các hoạt động và kế hoạch thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế ở cấp xã và cấp bản.

4.4.3 Tăng cường vai trò quản lý của Ban quản lý rừng đặc dụng

Tại xã Mường Phăng, rừng đặc dụng sẽ được giao cho Ban Quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng. Để quản lý bền vững rừng đặc dụng, Ban này cần được tăng cường để có thể hỗ trợ người dân hiệu quả trong công tác quản lý rừng đặc dụng như trong các hợp đồng bảo vệ rừng. Đối với các hoạt động trên, nên thực hiện các biện pháp cụ thể sau đây:

1) Làm rõ ranh giới của rừng đặc dụng

Cần xác định rõ ranh giới bằng việc cắm mốc ngoài thực địa để phân định riêng những khu vực thuộc rừng đặc dụng với khu vực có người dân cư sinh sống. Để mọi người dân bản và những người khác biết đâu là khu vực thuộc rừng đặc dụng nhằm tránh việc thay đổi đất canh tác trong rừng đặc dụng, nên cắm các biển báo về ranh giới rừng đặc dụng để người dân hiểu rõ về khu vực này.

2) Cải thiện cơ cấu tổ chức

Theo Nghị định số 117/2010/NĐ-CP, Ban quản lý rừng đặc dụng là một đơn vị sự nghiệp, có trách nhiệm và chức năng cụ thể trong việc quản lý rừng.

Ban Quản lý rừng đặc dụng nên:

- Xây dựng những quy tắc phù hợp với thực tế cho các hoạt động quản lý rừng như tuần tra rừng đặc dụng;
- Chủ động tham gia vào các hoạt động phân bổ các dịch vụ từ rừng để hỗ trợ người dân tại các bản phát triển nông lâm nghiệp;
- Tập huấn cho dân bản trong công tác bảo vệ rừng đặc dụng và xây dựng một lực lượng lao động tích cực làm việc tại cấp xã và bản;
- Được tập huấn về chuyên môn để cải thiện các kỹ năng quản lý và trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3) Nâng cao nhận thức về bảo vệ rừng.

Về lâu dài, cần thúc đẩy các hoạt động nâng cao nhận thức cho người dân về môi trường và bảo vệ các nguồn tài nguyên rừng và các lợi ích khác của việc bảo tồn rừng thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục. Ban quản lý rừng đặc dụng cần đẩy mạnh tuyên truyền cho người dân sống xung quanh và trong rừng đặc dụng để họ hiểu được quyền và trách nhiệm của mình, các quy định và pháp luật liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng và các hình thức xử phạt nếu họ vi phạm.

4) Hỗ trợ cải thiện các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế.

Ban quản lý rừng đặc dụng nên xem xét khả năng cải thiện sinh kế một cách bền vững cho người dân địa phương với mục tiêu phòng và giảm các hoạt động xâm lấn rừng đặc dụng thông qua các biện pháp quản lý và bảo tồn rừng. Ban quản lý rừng đặc dụng sẽ được nhận tiền từ chính sách Chi trả dịch vụ môi trường rừng. Việc quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn tiền này sẽ hỗ trợ được cho các bản phát triển sinh kế một cách bền vững. Một phần từ nguồn thu này sẽ được dành để chi trả cho hoạt động tuần tra rừng khi ký hợp đồng với người dân.

Các hoạt động và kế hoạch tăng cường cơ cấu tổ chức cấp xã và thôn bản cũng như Ban quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng được mô tả trong Phụ lục 1 – Bảng 4.

4.5 Giải pháp về nâng cao năng lực về quản lý rừng và phát triển sinh kế cho cán bộ xã và người dân

Phần này trình bày giải pháp thực hiện Nhiệm vụ trọng tâm 3.5 về nâng cao năng lực cho cán bộ xã và người dân.

4.5.1 Nâng cao nhận thức cho các cán bộ xã, người dân và các bên liên quan

- Tổ chức các hội thảo nâng cao nhận thức cho các cán bộ chủ chốt ở cấp xã, các cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện các hoạt động quản lý và bảo vệ rừng để họ hiểu sâu hơn về những tác động tiêu cực và những rủi ro tiềm ẩn do mất rừng và suy thoái rừng; quyền lợi và trách nhiệm, chi phí và lợi ích khi tham gia thực hiện REDD+; nội dung của Kế hoạch Hành động REDD+ cấp tỉnh và cấp xã; các chính sách liên quan hiện tại; quản lý rừng có sự tham gia.

- Tổ chức các hội thảo nâng cao nhận thức cho người dân tại thôn bản để họ hiểu rõ hơn về những tác động tiêu cực và nguy cơ tiềm ẩn do mất rừng và suy thoái rừng; các hoạt động bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng; quyền và trách nhiệm, chi phí và lợi ích khi tham gia thực hiện REDD+; nội dung của Kế hoạch Hành động REDD+ của xã. Các buổi hội thảo nâng cao nhận thức được tổ chức vào thời điểm nông nhàn để có nhiều thành viên tham dự nhất.

- Tổ chức các chuyến tham quan cho những đại diện tiêu biểu của chính quyền và người dân để họ học tập kinh nghiệm ở những nơi người dân đã làm tốt các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, kết hợp giữa phát triển rừng với phát triển sinh kế.

- Liên quan tới các chủ đề trên, có thể lồng ghép các hình thức truyền thông như tờ rơi, đài, ti vi, áp phích, phóng sự, băng tin và sự kiện cộng đồng cho các hoạt động nâng cao nhận thức.

4.5.2 Nâng cao năng lực cho cán bộ xã, người dân và các bên liên quan

Các lớp tập huấn nâng cao năng lực được tổ chức theo các chủ đề thực tế nhưng cũng không giới hạn các chủ đề tập huấn trong bảng 4.3 dưới đây.

Bảng 4.3 Các chủ đề tập huấn và các ban ngành có liên quan

Chủ đề	Cán bộ huyện	Cán bộ BQLR ĐD MP	Kiểm lâm huyện	Cán bộ xã	BQLR &PTS K bản	Đội tuần tra rừng	Các nhóm sinh kế nhỏ	Người dân giữ vai trò nòng cốt
Kỹ năng xác định nhu cầu của người dân	X	X	X	X				
Các kỹ năng thuyết trình bao gồm lập kế hoạch có sự tham gia, thực hiện, theo dõi và đánh giá Kế hoạch quản lý rừng và Kế hoạch phát triển sinh kế	X	X	X	X				
Phương pháp giao và khoán rừng và đất lâm nghiệp có sự tham gia của người dân	X	X	X	X				X
Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng		X	X	X				
Tuần tra bảo vệ rừng						X		X
Phương pháp và kỹ năng xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức cho các hoạt động sản xuất để sử dụng và thị trường của sản phẩm	X			X			X	X
Phân tích và đánh giá hiệu quả tài chính trong trồng trọt và chăn nuôi	X			X			X	X
Tập huấn chuyên đề liên quan đến trồng trọt, chăn nuôi..., ví dụ như: kỹ thuật trồng cây ăn quả, kỹ thuật chăn nuôi gà và các loại khác							X	
Cách thức quản lý của Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế cấp bản	X			X	X			
Cách thức quản lý quỹ bản	X			X	X			

Lưu ý: “Cán bộ huyện” là những cán bộ thuộc các ban ngành có liên quan ở cấp huyện.

Bảng 5 Phụ lục 1 mô tả các hoạt động trong mục Giải pháp 4.5 về số lượng khoá tập huấn, kế hoạch và trách nhiệm của các bên.

IV. Tổ chức thực hiện

Phần này trình bày các tổ chức tham gia và trách nhiệm của họ trong việc thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã, như sau:

(1) UBND huyện

- Hỗ trợ quản lý việc thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã;
- Cử các cán bộ khuyến nông, thú y và các cán bộ khác của phòng Nông nghiệp huyện và Kiểm lâm địa bàn xuống xã để hỗ trợ thực hiện các hoạt động.

(2) Ban chỉ đạo KHBVPTR cấp huyện (Ban chỉ huy cấp huyện)

- Giám sát việc thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ cấp xã; và

- Cố vấn và hỗ trợ hướng dẫn thực hiện cho Ban chỉ huy xã.

(3) Ban quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng

- Hỗ trợ Ban chỉ huy xã và người dân trong việc thực hiện Kế hoạch hành động REDD+ của xã, xây dựng hệ thống hỗ trợ, trong đó Ban Quản lý rừng đặc dụng có thể cử cán bộ xuống hướng dẫn phương pháp thực hiện các hoạt động quản lý rừng; và

- Ký hợp đồng với các bản, hộ gia đình, cá nhân để bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng trên diện tích đã giao cho Ban Quản lý rừng đặc dụng Mường Phăng.

(4) Ủy ban nhân dân xã

- Hỗ trợ quản lý và thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã; và

- Sắp xếp nhân sự phù hợp vào Ban chỉ huy xã

(5) Ban chỉ đạo KHBVPTR cấp xã (Ban chỉ huy xã)

Trách nhiệm của Ban chỉ huy xã đã được nêu trong mục “4.4.1 thiết lập và tăng cường cơ cấu tổ chức cấp xã” trong phần “III. Kế hoạch hành động REDD+ cấp xã”.

(6) Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế cấp bản

Kiểm lâm địa bản với tư cách là người cố vấn, phải hỗ trợ Ban quản lý rừng và phát triển sinh kế của bản trong việc thực hiện các hoạt động về quản lý rừng;

Các hộ gia đình phải có trách nhiệm phối hợp với nhau trong từng hoạt động đã nêu trong kế hoạch. Mỗi bản trong Kế hoạch Hành động REDD+ của xã phải có trách nhiệm hỗ trợ cho một hoạt động để đạt được kết quả thành công;

Trách nhiệm của Ban Quản lý rừng và Phát triển sinh kế cấp bản đã được đề cập trong mục “4.4.2 Thiết lập và tăng cường cơ cấu tổ chức cấp bản” trong phần “III. Kế hoạch Hành động REDD+ cấp xã”.

V. Kinh phí thực hiện và nguồn vốn

1. Chi phí thực hiện kế hoạch hành động

Chi phí ước tính để thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã được mô tả trong bảng sau:

Bảng 6.1 Chi phí cần thiết cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng

TT	Hạng mục	Năm thực hiện								Tổng
		2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
1	Bảo vệ rừng									
	Khối lượng thực hiện (ha)	731,1	731,1	731,1	731,1	731,1	731,1	731,1	731,1	
	Đơn giá đầu tư (1000đ/ha)	200	200	200	200	200	200	200	200	
	Thành tiền (1000đ)	146.220	146.220	146.220	146.220	146.220	146.220	146.220	146.220	1.169.760
2	Khoanh nuôi XTTSTN									
	Khối lượng thực hiện (ha)	412.8	412.8	412.8	412.8	412.8	412.8	412.8	412.8	
	Đơn giá đầu tư (1000đ /ha)	200	200	200	200	200	200	200	200	
	Thành tiền (1000đ)	82.560	82.560	82.560	82.560	82.560	82.560	82.560	82.560	660.480
3	Khoanh nuôi XTTS kết hợp trồng bổ sung									
	Khối lượng thực hiện (ha)				174.2	174.2	174.2	174.2	174.2	
	Đơn giá đầu tư (1000đ/ha)				500	200	200	200	200	
	Thành tiền (1000đ)				87.100	34.840	34.840	34.840	34.840	226.460
4	Trồng rừng sản xuất									
	Khối lượng thực hiện (ha)		50	50	152.3	202.3	202.3	202.3	202.3	
	Đơn giá đầu tư (1000đ/ha)		2.820	200	2.820	200	200	200	200	
	Thành tiền (1000đ)		141.000	10.000	429.486	40.460	40.460	40.460	40.460	742.326
5	Xây dựng vườn rừng									
	Khối lượng thực hiện (ha)	89.6	89.6	89.6	89.6	89.6	89.6	89.6	89.6	
	Đơn giá đầu tư (1000đ/ha)	500	200	200	200	200	200	200	200	
	Thành tiền (1000đ)	44.800	17.920	17.920	17.920	17.920	17.920	17.920	17.920	17.920
Tổng		273,580	387.700	256.700	763.286	322.000	322.000	322.000	322.000	2.969.266

Bảng 6.2 Chi phí cho thực hiện các hoạt động phát triển sinh kế²

TT	Hoạt động hỗ trợ	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Cộng
I	Hỗ trợ trực tiếp									
1	Bếp đun tiết kiệm củi									
	Số HGĐ tham gia	300	300	400						
	Mức hỗ trợ (1000 đ/hộ)	50	50	50						
	Thành tiền (1000đ)	15.000	15.000	20.000						50.000
2	Chăn nuôi (con giống)									
	Khối lượng thực hiện (số hộ gia đình trực tiếp nhận hỗ trợ)	350								
	Mức hỗ trợ (1000 đ/hộ)	2.800								
	Thành tiền (1000đ)	980.000								980.000
3	Chăn nuôi (vật liệu)									
	Khối lượng thực hiện (tính theo số con giống)	350								
	Mức hỗ trợ (1000 đ/con)	1.000								
	Thành tiền (1000đ)	350.000								350.000
4	Chăn nuôi (trồng cỏ)									
	Khối lượng thực hiện (số hộ tham gia)		450							
	Mức hỗ trợ (1000 đ/hộ)		100							
	Thành tiền (1000đ)		45.000							45.000
5	Trồng cây ăn quả									
	Khối lượng thực hiện (số hộ tham gia)		750							
	Mức hỗ trợ (1000 đ/hộ)		100							
	Thành tiền (1000đ)		75.000							75.000
6	Trồng rau									
	Khối lượng thực hiện (số hộ tham gia)		900							
	Mức hỗ trợ (1000 đ/hộ)		50							
	Thành tiền (1000đ)		45.000							45.000
7	Sản xuất SF hàng hoá				520.000					520.000
II	Hỗ trợ gián tiếp									
1	Tập huấn tại thôn bản									
	Số lớp học	260	78		52	26	26	26	26	
	Thành tiền (1000đ)	520.000	156.000		104.000	52.000	52.000	52.000	52.000	988.000
2	Tham quan và học tập									
	Số chuyên tham quan	52								
	Thành tiền (1000đ)	400.000								400.000
3	Tìm hiểu thị trường, sản xuất thử nghiệm, đăng ký và tiêu thụ sản phẩm				650.000					650.000
	Tổng số	2.265.000	336.000	20.000	1.274.000	52.000	52.000	52.000	52.000	4.103.000

Ghi chú: Các ước tính trên chưa bao gồm chi phí nhân công.

² Được tính toán dựa trên các hoạt động đầu tư phát triển sinh kế đã được Dự án SUSFORM-NOW thực hiện

2. Nguồn tài chính

Nguồn tài chính để thực hiện các hoạt động được mô tả trong bảng dưới đây.

Bảng 6.3 Nguồn kinh phí để thực hiện các hoạt động Bảo vệ và Phát triển rừng và cân đối ngân sách.

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

TT	Hoạt động	Kinh phí cần có để thực hiện kế hoạch	Nguồn và lượng ngân sách có thể cấp		Cân đối (ngân sách có thể - kinh phí cần có)	Nguồn hỗ trợ có thể thu hút được
			Ngân sách nhà nước	Quỹ BV&PTR		
	Tổng chung	7.072.266	1.872.386	2.266.880	-2.933.000	Hỗ trợ của Nhà nước và tổ chức quốc tế, bao gồm Quỹ REDD+
I	Bảo vệ và phát triển rừng	2.969.266	702.386	2.266.880	-	
1	Bảo vệ rừng	1.169.760	-	-	-	
2	Khoanh nuôi tái sinh	660.480	-	-	-	
3	Khoanh nuôi kết hợp trồng bổ sung	226.460	87.100	-	-	
4	Trồng rừng sản xuất	742.326	570.486	-	-	
5	Trồng cây phân tán	170.240	44.800	-	-	
II	Phát triển sinh kế	4.103.000	1.170.000	-	-2.933.000	
1	Hỗ trợ trực tiếp	2.065.000	520.000	-	-2.933.000	
2	Hỗ trợ gián tiếp	2.038.000	650.000	-	-2.933.000	

3. Giải pháp đối với tài chính

So với lượng tiền cần thiết tổ chức thực hiện kế hoạch hành động thì các nguồn ngân sách hiện tại chỉ mới cung cấp được 58,53% (tương ứng với 4.139 triệu đồng). Như vậy lượng ngân sách còn thiếu là 41,47% (tương ứng với 2.933 triệu đồng). Giải pháp chính để khắc phục sự thiếu hụt về ngân sách là tìm kiếm thu hút các tài trợ. Ngoài ra, UBND xã có thể tìm kiếm các nguồn tài trợ khác thông qua tổ chức hội thảo và xây dựng một website quảng bá về tiềm năng của các hoạt động phát triển rừng trên địa bàn xã Mường Phăng, nhu cầu đầu tư.

VI. Theo dõi và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch Hành động REDD+ của xã

Hàng năm sẽ đánh giá các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế được thực hiện tại các bản, và khi xây dựng kế hoạch năm về quản lý rừng và phát triển sinh kế vào tháng 12 hàng năm thì phải dựa trên kết quả đánh giá của năm trước. Hoạt động theo dõi được tiến hành theo định kỳ hoặc đột xuất khi thấy cần thiết.

Kế hoạch Hành động REDD+ của xã sẽ được đánh giá vào năm 2015. Đặc biệt, dù các mục tiêu, khái niệm và phương pháp đặt ra trong kế hoạch có phù hợp hay không thì vẫn phải đánh giá tiến độ triển khai hoạt động. Sau đó, sẽ sửa đổi nội dung Kế hoạch Hành động REDD+ của xã nếu cần thiết. Việc đánh giá này cũng nhằm góp phần xây dựng các mô hình khả thi để có thể áp dụng sang các xã khác trên địa bàn toàn tỉnh. Ngoài ra, Kế hoạch Hành động REDD+ của xã sẽ được đánh giá tổng thể vào năm 2020, để chuẩn bị cho Kế hoạch REDD+ của xã trong giai đoạn tiếp theo bắt đầu từ năm 2021.

Ngoài đánh giá theo định kỳ vào năm 2015 và đánh giá cuối kỳ năm 2020 thì Kế hoạch Hành động REDD+ cấp xã này có thể được điều chỉnh lại bất cứ khi nào nếu có vấn đề phát sinh.

Phụ lục: Các hoạt động theo các giải pháp

Bảng 1. Kế hoạch thúc đẩy bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng

Hoạt động	Kế hoạch thực hiện								Trách nhiệm
	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
Xác định ranh giới giữa các bản trên thực địa và bản đồ	X*	X							Sở NN&PTNT Phòng NN Phòng TNMT Hạt Kiểm Lâm Ban QL RĐĐ Mường Phăng
Xác định vị trí và ranh giới đất rừng của xã trên thực địa và bản đồ	X	X							
Xác định người quản lý hoặc sử dụng đất rừng cũng như ranh giới giữa các vị trí đó (trên thực tế và bản đồ)		X							
Đơn giản hoá thủ tục giao đất giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng khoán thuê quản lý rừng		X							UBND huyện UBND xã Ban QL rừng đặc dụng MP Người dân
Giới thiệu các chính sách chi trả, các lợi ích người dân sẽ được hưởng khi tham gia bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng, chăm sóc rừng	X	X							Ban quản lý rừng đặc dụng Người dân
Chuẩn bị kế hoạch bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng có sự tham gia của người dân	X	X							
Triển khai các hoạt động bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng và chăm sóc rừng		X	X	X	X	X	X	X	Người dân

(*Hoạt động này đã được làm một phần)

Bảng 2. Kế hoạch theo dõi biến biến rừng

Hoạt động	Kế hoạch thực hiện								Trách nhiệm
	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
Tăng cường các kỹ năng điều tra thực địa (GPS và GIS, phân tích và xác định loại rừng)	X			X			X		Hạt kiểm lâm Ban quản lý rừng đặc dụng MP UBND xã BQLR&PTS K bản Kiểm lâm địa bàn Người dân
Tăng cường vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu (lưu trữ số liệu, phân tích và vận hành GIS, kiểm tra ngẫu nhiên)	X	X		X	X		X		
Tăng cường các kỹ năng cho người dân về việc ghi chép, báo cáo diễn biến rừng trên thực địa với sự phối hợp với BQLR&PTSK bản	X	X	X	X	X	X	X	X	

Bảng 3. Kế hoạch thúc đẩy các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và các hoạt động sản xuất khác

Hoạt động	Kế hoạch thực hiện								Trách nhiệm
	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
Xác định các nguồn lực sẵn có và các sản phẩm tiềm năng của bản	X	X							UBND xã Người dân
Chuẩn bị các kế hoạch phát triển sinh kế và các quy ước để thực hiện	X								
Phân tích tính khả thi của các hoạt động sinh kế	X								
Xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện kế hoạch cho từng bản	X	X							
Hỗ trợ kỹ thuật cho các hoạt động phát triển sinh kế	X	X	X						
Triển khai các hoạt động sinh kế	X	X	X	X	X	X	X	X	Người dân

Bảng 4. Kế hoạch thiết lập và tăng cường khung thể chế về quản lý rừng và phát triển sinh kế

Hoạt động	Kế hoạch thực hiện								Trách nhiệm
	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
Ban hành quyết định và các chức năng, nhiệm vụ của Ban chỉ huy xã		X							UBND xã
Ban chỉ huy xã trực tiếp chỉ đạo các hoạt động		X							UBND xã
Hỗ trợ thành lập BQLR&PTSK và ban hành quyết định công nhận BQLR&PTSK cũng như nhiệm vụ và chức năng của Ban này	X	X							UBND xã Người dân
Thu thập và phân tích thông tin để làm rõ về tính phù hợp, bất cập, hiệu quả và tính bền vững của cơ chế điều phối, quản lý và theo dõi các hoạt động cấp xã		X	X						UBND huyện UBND xã Ban QLR đặc dụng MP
Đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động			X						

Bảng 5. Kế hoạch phát triển sinh kế ở khía cạnh nhận thức, kỹ thuật và kỹ năng về quản lý rừng và phát triển kinh tế cho cán bộ xã, các tổ chức liên quan và người dân.

Hoạt động	Kế hoạch thực hiện								Trách nhiệm
	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
Tập huấn về phương pháp lập kế hoạch Phát triển sinh kế và Quản lý rừng cho cán bộ xã và các ban ngành liên quan	X*	X							Sở NN&PTNT UBND huyện Ban quản lý rừng đặc dụng MP
Tập huấn các kỹ năng xác định nhu cầu của người dân	X	X							UBND xã
Tổ chức đi tham quan cho đại diện cán bộ xã và người dân		X	X						Sở NN&PTNT UBND huyện UBND xã
Tập huấn về phân tích hiệu quả tài chính cho người dân về quản lý rừng và phát triển sinh kế		X		X					UBND huyện UBND xã
Tập huấn về theo dõi diễn biến rừng cho người dân		X		X					Hạt kiểm lâm
Tập huấn về tuân tra, bảo vệ rừng cho người dân		X		X					
Tập huấn về kỹ thuật trong các hoạt động quản lý rừng và phát triển sinh kế cho người dân		X	X	X					UBND huyện UBND xã

(*Tập huấn đã được tiến hành một phần)

Lưu ý: Kế hoạch này có thể chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với Kế hoạch thực hiện REDD+ cấp xã

**Mẫu Kế hoạch quản lý thôn bản
trên địa bàn xã Mường Phăng**

Bản Co Lú
Bản Lọng Háy
Bản Lọng Luông 1
Bản Lọng Luông 2
Bản Lọng Nghiu

PHÂN TÍCH HIỆN TRẠNG RỪNG, ĐẤT RỪNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ƯU TIÊN THỰC

HIỆN Địa điểm: **Bản Co Lúu, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên** Ngày lập: **10/6/2013**

Địa điểm (Tên địa phương)	Diện tích (ha)	Ký hiệu lô/khoảnh KHBVPTR	Hiện trạng	Nguyên nhân	Các hoạt động được ưu tiên thực hiện
Đồi Đinh 10	30 ha	KNB-7	-Rừng được bảo vệ tốt -Một số diện tích rừng bị mất; -Một số diện tích rừng bị suy thoái	-Hộ gia đình quản lý; -Phá rừng làm nương rẫy; -Khai thác bừa bãi	Tuần tra bảo vệ rừng
Pú Pá Khá	6 ha	KNB-7	Rừng được bảo vệ tốt	Hộ gia đình quản lý, bảo vệ	Tuần tra bảo vệ rừng
Đông Sên	20 ha	VR-3,4	Rừng được bảo vệ tốt	Khu rừng thiêng của bản	Rừng cấm
Pú Đĩnh	3 ha	NR-2	Rừng được bảo vệ tốt	Rừng trồng của nhà nước	Tuần tra bảo vệ rừng

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BẢN CO LÍU

Địa điểm: **Bản Co Lίου, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**

Ngày lập: **10/6/2013**

STT	Hoạt động	Thời gian thực hiện					Địa điểm thực hiện	Khối lượng, kết quả cần đạt được	Người chịu trách nhiệm	Nhu cầu hỗ trợ
		2013	2014	2015	2016	2017				
1	Kiên toàn tổ bảo vệ rừng	X					Tại bản	7 người	Dân bản	Kinh phí hoạt động
2	Tuần tra bảo vệ rừng	X	X	X	X	X			Tổ tuần tra và dân bản	Kinh phí hoạt động
3	Thảo luận với UBND xã, UBND huyện về kế hoạch trồng rừng (Cơ chế chia sẻ lợi ích)	X								
4	Trồng rừng (Nếu UBND xã, huyện đồng ý)		X	X	X	X			Dân bản	-Cây giống, -Kỹ thuật
5	Theo dõi biến động rừng	X	X	X	X	X			Dân bản	
6	Theo dõi kết quả hoạt động dự án	X	X	X	X	X			Ban QLR&PTSK thôn bản	

Mường Phăng, ngày tháng năm 2013

Trưởng bản

Phê duyệt của UBND xã

PHÂN TÍCH CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ VÀ ĐANG ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI BẢN CO LÚU

Địa điểm: Bản Co Lúu, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên Ngày lập: 10/6/2013

Tên hoạt động	Thực trạng	Thuận lợi	Khó khan	Rủi ro không kiểm soát được	Các biện pháp khắc phục
TRÂU/BÒ	-Số lượng nhiều. (2/3 số hộ chăn nuôi. mỗi hộ có từ 2-3 con) -Chuồng trại sơ sài	Dễ bán; cung cấp sức kéo; phân	Không có bãi chăn thả; dịch bệnh	Trời rét; dịch bệnh	
LỢN	Chậm lớn, thiếu thức ăn; kỹ thuật; dịch bệnh; chuồng trại sơ sài.	Dễ tiêu thụ; cung cấp thực phẩm cho gia đình; được tiêm phòng	Thiếu vốn; thiếu kỹ thuật	Dịch bệnh	Vay vốn; dịch vụ khuyến nông
GÀ/VỊT/NGAN	Chăn nuôi nhỏ, lẻ; dễ bán	Có nơi chăn thả; dễ tiêu thụ; cung cấp thực phẩm cho gia đình	Thiếu vốn; thiếu thức ăn; thiếu kỹ thuật; không có chuồng trại; không có dịch vụ khuyến nông; chưa có mô hình chăn nuôi tốt.	Dịch bệnh	-Tăng thức ăn chăn nuôi; -Vay vốn; -Dịch vụ khuyến nông
CÁ	Có nhiều ao; có nguồn nước; hay bị dịch bệnh; có thị trường tiêu thụ	Có nhiều ao; cung cấp thực phẩm cho gia đình; dễ bán.	Thiếu giống; thiếu thức ăn và thiếu vốn	Dịch bệnh	-tăng cường phòng bệnh; vệ sinh ao nuôi; trồng cỏ
LÚA NƯỚC	Năng suất thấp; sâu bệnh; ruộng chủ yếu là bãi lầy; thiếu nước; giống địa phương	Cung cấp lương thực	Thiếu kỹ thuật; thiếu nước; đất nhiễm phèn; giống địa phương thoái hóa.	Sâu bệnh; chuột phá hoại	-Bón vôi, cải tạo đất; tăng lượng phân hữu cơ, sử dụng giống mới
SẴN	Năng suất thấp, đất bạc màu; giống cũ; dễ bán	Dễ tiêu thụ; làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, nấu rượu	Năng suất thấp		Đầu tư phân bón
DONG RIỀNG	Năng suất thấp, đất bạc màu; dễ bán	Dễ tiêu thụ	Sâu bệnh; thiếu kỹ thuật		Đầu tư phân bón

XÁC ĐỊNH CÁC NGUỒN LỰC SẴN CÓ TẠI THÔN BẢN NHƯNG CHƯA ĐƯỢC SỬ DỤNG HOẶC SỬ DỤNG CHƯA HIỆU QUẢ

Địa điểm: **Bản Co Lú, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**

Ngày lập: **10/6/2013**

Loại nguồn lực	Các nguồn lực sẵn có tại thôn bản nhưng chưa được sử dụng hoặc sử dụng chưa hiệu quả
Nhân lực	Nguồn nhân lực dồi dào. (Có 4 người đã tốt nghiệp Trung cấp và đại học nhưng chưa xin được việc làm)
Tài nguyên thiên nhiên	Có nguồn phân gia súc.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SINH KẾ BẢN CO LÚU

Địa điểm: **Bản Co Lúu, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**

Ngày lập: **10/6/2013**

STT	Hoạt động	Thời gian thực hiện					Đóng góp của người dân	Các hỗ trợ cần thiết
		2013	2014	2015	2016	2017		
1	LỢN	X	X	X	X	X	Chuồng trại; thức ăn; công lao động	Giống; kỹ thuật; tham quan học tập; một phần thức ăn
2	GÀ/VỊT/NGAN	X	X	X	X	X	Chuồng trại; thức ăn; công lao động	Kỹ thuật; giống; thức ăn; tham quan học tập
3	CÂY ĂN QUẢ		X	X	X	X	Đất; phân bón; công lao động	Kỹ thuật; giống
4	TRỒNG CỎ		X	X	X	X	Đất; phân bón; công lao động	Kỹ thuật; giống; tham quan học tập
5	RAU	X	X	X	X	X	Đất; phân bón; công lao động	Kỹ thuật; giống
6	BIOGAS		X	X	X	X	Đất; công lao động	Kỹ thuật; vật liệu xây dựng; tham quan học tập

Mường Phăng, ngày Tháng năm 2013

Trưởng bản

Phê duyệt của UBND xã

PHÂN TÍCH HIỆN TRẠNG RỪNG, ĐẤT RỪNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Địa điểm: **Bản Lọng Háy, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**

Ngày lập: **07/6/2013**

Địa điểm (Tên địa phương)	Diện tích (ha)	Ký hiệu lô/khoảnh KHBVPTR	Hiện trạng	Nguyên nhân	Các hoạt động được ưu tiên thực hiện
Đồi Lâm Trống (Chung Do Dưa)	48 ha	KNB-9	Rừng bị suy thoái; một số diện tích rừng đã bị mất	Khai thác gỗ làm nhà Lấy củi quá mức Phá rừng làm nương rẫy	Tuần tra bảo vệ rừng
Chung Khỏ Na	3,5 ha	VR-0	Rừng bị suy thoái	Do qui hoạch lòng hồ	Tuần tra bảo vệ rừng
Nhệ Lái			Bảo vệ tốt	Do hộ gia đình quản lý và bảo vệ	
Khu rừng trong bản	1 ha	VR-1	Bảo vệ tốt	Do hộ gia đình quản lý và bảo vệ	

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BẢN LỌNG HÁY

Địa điểm: **Bản Lọng Háy, xã Mùòng Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**

Ngày lập: **07/6/2013**

STT	Hoạt động	Thời gian thực hiện					Địa điểm thực hiện	Khối lượng, kết quả cần đạt được	Người chịu trách nhiệm	Nhu cầu hỗ trợ
		2013	2014	2015	2016	2017				
1	Thành lập tổ bảo vệ rừng	X					Tại bản	5 người	Dân bản	Phối hợp với Công an xã, kiểm lâm địa bàn
2	Tuần tra rừng	X	X	X	X	X	Chung Dò Dua Nhẹ Lái		Dân bản	Phối hợp với Công an xã, kiểm lâm địa bàn
3	Theo dõi biến động rừng	X	X	X	X	X	Chung Dò Dua Nhẹ Lái		Dân bản	Phối hợp với Công an xã, kiểm lâm địa bàn
4	Theo dõi kết quả hoạt động dự án	X	X	X	X	X	Tại bản		Dân bản	
5	Tham quan học tập	X					Trong tỉnh Điện Biên			

Mùòng Phăng, ngày tháng năm 2013

Trưởng bản

Phê duyệt của UBND xã

PHÂN TÍCH CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ VÀ ĐANG ĐƯỢC THỰC HIỆN BẢN LỘNG HÁY

Địa điểm: Bản Lộng Háy, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên Ngày lập: 07/6/2013

Tên hoạt động	Thực trạng	Thuận lợi	Khó khăn	Rủi ro không kiểm soát được	Các biện pháp khắc phục
TRÂU/BÒ	Số lượng ít; phát triển tốt	Sức kéo	Không có bãi chăn thả	Dịch bệnh; trộm cắp	Trồng cỏ; tiêm vắc xin phòng bệnh
CÁ	Nhiều hộ nuôi cá; phát triển bình thường; thiếu kỹ thuật	Có nhiều ao; dễ bán	Thiếu kỹ thuật; thiếu vốn	Dịch bệnh	Tập huấn kỹ thuật
GÀ/VỊT	Phát triển tốt; hay xảy ra dịch bệnh	Làm thực phẩm và bán	Thiếu kỹ thuật Hay xảy ra dịch bệnh	Dịch bệnh; trộm cắp	Tập huấn kỹ thuật; làm chuồng trại
LỢN	Nhiều hộ nuôi; hay xảy ra dịch bệnh; nuôi thả rông	Làm thực phẩm và bán	Thiếu thức ăn; thiếu vốn xây chuồng; không tiêm phòng; giống không tốt	Dịch bệnh; trộm cắp nhiều	Tập huấn kỹ thuật; tiêm phòng vắc xin; vay vốn
LÚA NƯỚC	Trồng nhiều, chủ yếu ruộng 1 vụ	Cung cấp lương thực	Sâu bệnh hại; thiếu kỹ thuật; thiếu giống tốt	Sâu bệnh; chuột phá hoại	Tập huấn kỹ thuật; làm chuồng trại; hoàn chỉnh hệ thống mương phai; giống tốt
SẴN	Năng suất cao	Dễ trồng; dễ bán; làm lương thực, thức ăn gia súc	Thiếu lao động; thiếu kỹ thuật; đất bạc màu		Kỹ thuật; phân bón
DONG RIÊNG	Trồng nhiều; năng suất không cao do đất bị bạc màu	Dễ trồng; dễ bán	Tốn nhiều công lao động; chỉ trồng được khoảng 3 năm do đất bạc màu		
RAU	Trồng ít	Phục vụ gia đình và bán	Thiếu giống; thiếu kỹ thuật; thời tiết	Khí hậu	Kỹ thuật; vườn
CÂY ĂN QUẢ	Trồng ít	Phục vụ gia đình và bán	Thiếu giống; thiếu kỹ thuật		Kỹ thuật; giống

XÁC ĐỊNH CÁC NGUỒN LỰC SẴN CÓ TẠI THÔN BẢN NHƯNG CHƯA ĐƯỢC SỬ DỤNG HOẶC SỬ DỤNG CHƯA HIỆU QUẢ

Địa điểm: **Bản Lọng Háy, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**

Ngày lập: **07/6/2013**

Loại nguồn lực	Các nguồn lực sẵn có tại thôn bản nhưng chưa được sử dụng hoặc sử dụng chưa hiệu quả
Nhân lực	Trong năm có 02 tháng nông nhàn
Tài nguyên thiên nhiên	-Có ít phân gia súc -Có sản phẩm phụ sau thu hoạch (rom) nhưng chưa sử dụng.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SINH KẾ BẢN LỘNG HÁY

Địa điểm: **Bản Lọng Háy, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**

Ngày lập: **07/6/2013**

STT	Hoạt động	Thời gian thực hiện					Đóng góp của người dân	Các hỗ trợ cần thiết
		2013	2014	2015	2016	2017		
1	NUÔI CÁ		X	X	X	X	Ao; công lao động; thức ăn	Giống; kỹ thuật; tham quan học tập
2	NUÔI LỢN	X	X	X	X	X	Chuồng trại; công lao động; thức ăn; thuốc thú y	Kỹ thuật; giống; tham quan học tập
3	LÚA NƯỚC		X	X	X	X	Ruộng, công lao động; nước tưới	Kỹ thuật; giống; phân bón; thuốc bảo vệ thực vật
4	TRỒNG CÂY ĂN QUẢ		X	X	X	X	Đất; công lao động	Kỹ thuật; giống; phân bón; thuốc bảo vệ thực vật; tham quan học tập

Mường Phăng, ngày Tháng năm 2013

Trưởng bản

Phê duyệt của UBND xã

PHÂN TÍCH HIỆN TRẠNG RỪNG, ĐẤT RỪNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ƯU TIÊN THỰC HIỆN

HIỆN Địa điểm: **Bản Lọng Luông 1, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên Ngày lập: 04/6/2013**

Địa điểm (Tên địa phương)	Diện tích (ha)	Ký hiệu lô/khoảnh KHBVPTR	Hiện trạng	Nguyên nhân	Các hoạt động được ưu tiên thực hiện
Núi cây Dẻ	10 ha	KNB-2	Rừng dẻ bị suy thoái. Một số diện tích rừng bị mất	Chặt tía cây để làm nhà, sửa nhà; Thu hái củi quá mức; Phá rừng làm nương	Tuần tra, bảo vệ rừng.
Khu Pá Hươi	4 ha 4 ha	KNB-6 NR-3	Rừng đã bị suy thoái. Một số diện tích rừng bị mất	Khai thác gỗ làm nhà (dân bản người thái). Thu hái củi quá mức	Thành lập tổ tuần tra
Đường Kéo pháo (Rừng)	2 ha	IB-8	Làm nương rẫy	Chuyển đổi sang đất canh tác nương rẫy	Làm nương rẫy
Rừng Mạch Chá (sắt)	8 ha	KNB-8	Rừng bị suy thoái	Khai thác quá mức	Thành lập tổ tuần tra
Đầu nguồn hồ Lọng Luông	100 ha (của 4 bản)	NR-2, NR-4, NR-5. IB-5, KN+3	Canh tác nương rẫy; Đất trồng, đồi núi trọc	Canh tác nương rẫy	Làm nương rẫy; Các hộ đồng ý chuyển đổi sang trồng rừng
Mùa A Vàng	10 ha	KNS+4, KN+3, KNS, KN+2, KN+0	Rừng được bảo vệ và phát triển tốt	Do người dân tự quản lý và bảo vệ	Gia đình tự xây dựng kế hoạch tuần tra, bảo vệ rừng.

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BẢN LỌNG LUÔNG 1

Địa điểm: Bản Lọng Luông 1, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Ngày lập: 04/6/2013

STT	Hoạt động	Thời gian thực hiện					Địa điểm thực hiện	Khối lượng, kết quả cần đạt được	Người chịu trách nhiệm	Nhu cầu hỗ trợ
		2013	2014	2015	2016	2017				
1	Thành lập tổ bảo vệ rừng	X					Tại bản Lọng Luông 1	01 tổ (7-8 người)	Dân bản	
2	Thảo luận với UBND xã, huyện về kế hoạch trồng rừng (Cơ chế hưởng lợi)	X								
3	Trồng rừng (Nếu UBND xã, huyện đồng ý)		X	X	X	X	Đầu nguồn hồ Lọng Luông	100 ha	Dân bản	-Cây giống, -Kỹ thuật
4	Tuần tra bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng	X	X	X	X	X	-Núi cây Dẻ -Khu Pá Hươi -Rừng Mạch Chá	10 ha 8 ha 8 ha	Tổ tuần tra và dân bản	
5	Theo dõi kết quả hoạt động dự án	X	X	X	X	X			Ban QLR&PTSK thôn bản	
6	Tập huấn nâng cao năng lực bảo vệ và phát triển rừng cho người dân	X	X	X	X	X	Tại bản		Dân bản	- Ban QLR&PTSK thôn bản -Dự án
7	Thăm một số mô hình quản lý, bảo vệ và phát triển rừng thành công trong và ngoài tỉnh Điện Biên	X	X					03 chuyến	Dân bản	Dự án

Mường Phăng, ngày Tháng năm 2013

Trưởng bản

Phê duyệt của UBND xã

PHÂN TÍCH CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ VÀ ĐANG ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI BẢN LỌNG LÔNG 1

Địa điểm: **Bản Lọng Luông 1, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên** *Ngày lập:* **04/6/2013**

Tên hoạt động	Thực trạng	Thuận lợi	Khó khăn	Rủi ro không kiểm soát được	Các biện pháp khắc phục
LỢN	Phát triển nhanh; số lượng ít; hay bị dịch bệnh	Cung cấp thực phẩm; bán ra thị trường	Chưa có kinh nghiệm; hay bị dịch bệnh; thiếu thức ăn; chưa có chuồng trại	Dịch bệnh; mất cắp	Kỹ thuật; vắc xin; giống; chuồng trại
GÀ	Số lượng nhiều; hay bị dịch bệnh	Nuôi ở nương xa nhà; cung cấp thực phẩm; bán ra thị trường	Chưa có chuồng trại, thiếu vốn; thiếu thức ăn; không tiêm phòng vắc xin	Dịch bệnh; khí hậu; bị trộm cắp	Kỹ thuật; vắc xin; giống mới
VỊT	Nuôi số lượng ít; chậm lớn; không có kỹ thuật; hay phá ruộng	Ít dịch bệnh hơn gà	Không có chuồng trại, nơi chăn thả; thiếu kỹ thuật; không tiêm vắc xin		
BÒ/TRÂU	Số lượng ít; phát triển bình thường		không có bãi chăn thả; tốn công lao động; khí hậu; không tiêm vắc xin	Hay bị dịch bệnh	Giống; kỹ thuật trồng cỏ; kỹ thuật chăn nuôi
CÁ	Có nhiều ao; phát triển tốt	Nhiều ao; thực phẩm; bán ra thị trường; không hay bị bệnh dịch	Nguồn nước ô nhiễm do sử dụng thuốc trừ sâu; không có kỹ thuật	Cá trắm hay bị bệnh; khí hậu; nguồn nước	Tập huấn kỹ thuật nuôi cá; quản lý nguồn nước
DONG RIÈNG	Trồng nhiều, năng suất cao; là nguồn thu tiền mặt chủ yếu.	Tự để giống; đầu tư ít	Tốn công lao động; đắt nhanh bạc màu		Trồng xen canh với đậu tương; lạc
SẢN	Trồng nhiều, năng suất cao;	Đất phù hợp, dễ trồng ; dễ bán; đầu tư ít; làm thức ăn chăn nuôi; tự để giống	Tốn công lao động; trâu bò phá; không có giống mới năng suất cao		Giống mới; thực hiện theo qui chế thôn bản
LÚA NƯỚC	Đất canh tác nhiều; năng suất thấp	Có nhiều đất canh tác; có nguồn lao động	Thiếu nước; giống năng suất thấp	Khí hậu	Cải thiện hệ thống thủy nông; tập huấn kỹ thuật; giống mới
RAU	Nhiều hộ trồng nhưng trồng diện tích nhỏ	Cung cấp thực phẩm; tự để giống; không bị ảnh hưởng bởi thời tiết	Diện tích trồng ít; không có kỹ thuật; thiếu nước		Tập huấn kỹ thuật; giống

XÁC ĐỊNH CÁC NGUỒN LỰC SẴN CÓ TẠI THÔN BẢN NHƯNG CHƯA ĐƯỢC SỬ DỤNG HOẶC SỬ DỤNG CHƯA HIỆU QUẢ

Địa điểm: **Bản Lọng Luông 1, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**

Ngày lập: **04/6/2013**

Loại nguồn lực	Các nguồn lực sẵn có tại thôn bản nhưng chưa được sử dụng hoặc sử dụng chưa hiệu quả
Nhân lực	-Nguồn lao động dồi dào; -Mỗi năm có 4 tháng nông nhàn; -Đa số dân bản học hết cấp I.
Tài nguyên thiên nhiên	-Đất nhiều nhưng bạc màu; -Có nhiều phân gia súc; -Có sản phẩm phụ sau thu hoạch (rơm).

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SINH KẾ BẢN LỘNG LUÔNG 1

Địa điểm: **Bản Lộng Luông 1, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên Ngày lập: 04/6/2013**

STT	Hoạt động	Thời gian thực hiện					Đóng góp của người dân	Các hỗ trợ cần thiết
		2013	2014	2015	2016	2017		
1	NUÔI CÁ	X	X	X	X	X	Ao; công lao động	Hỗ trợ giống; kỹ thuật
2	NUÔI LỢN	X	X	X	X	X	Chuồng trại; công lao động	Kỹ thuật; giống
3	TRỒNG CÂY ĂN QUẢ		X	X	X	X	Đất, công lao động	Kỹ thuật; giống
4	TRỒNG RAU	X	X	X	X	X	Đất, công lao động	Kỹ thuật; giống
5	TRỒNG ĐẬU TƯƠNG		X	X	X	X	Đất, công lao động	Kỹ thuật; giống

Mường Phăng, ngày Tháng năm 2013

Trưởng bản

Phê duyệt của UBND xã

PHÂN TÍCH HIỆN TRẠNG RỪNG, ĐẤT RỪNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Địa điểm: **Bản Lọng Luông 2, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**

Ngày lập: **05/6/2013**

Địa điểm (Tên địa phương)	Diện tích (ha)	Ký hiệu lô/khoảnh KHBVPTR	Hiện trạng	Nguyên nhân	Các hoạt động được ưu tiên thực hiện
Đồi cây Dẻ	12 ha	KNB-5	II-b Rừng bị suy thoái.	Khai thác gỗ làm nhà; Phá rừng làm nương (Dân Nà Tấu sang chặt gỗ)	-Tuần tra, bảo vệ rừng. -Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng
Cạnh ao ông Dềnh	1 ha	IB-7	Gia đình ông Dềnh, bản Lọng Háy quản lý	Khai thác gỗ làm nhà (dân bản người thái). Thu hái củi quá mức	
Đồi Chung Sua	6 ha	IB-4	II-b+TN rừng được bảo vệ tốt	Rừng của 5 hộ gia đình được quản lý và bảo vệ tốt	-Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng; -Nâng cao nhận thức của người dân; -Thực hiện theo qui chế thôn bản.
Núi Làm Trống	1,5 ha	KNB-9	II-a Rừng bị suy thoái; một số diện tích rừng đã bị mất	Chặt gỗ làm nhà; lán chiếm đất rừng làm nương.	Hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BẢN LỌNG LUÔNG 2

Địa điểm: **Bản Lọng Luông 2, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**

Ngày lập: **05/6/2013**

STT	Hoạt động	Thời gian thực hiện					Địa điểm thực hiện	Khối lượng, kết quả cần đạt được	Người chịu trách nhiệm	Nhu cầu hỗ trợ
		2013	2014	2015	2016	2017				
1	Thành lập tổ quản lý bảo vệ rừng	X					Tại bản Lọng Luông 2	8 người	Dân bản	Phối hợp với kiểm lâm địa bàn
2	Tuần tra bảo vệ rừng	X	X	X	X	X	-Đồi cây Dẻ, -Đồi Chung Sua, -Núi Làm Trống		Dân bản	Phối hợp với kiểm lâm địa bàn
3	Trồng rừng		X	X	X	X	Khu vực đầu nguồn hồ Lọng Luông	96 ha	Dân bản	-Cây giống, -Kỹ thuật, -Kinh phí
4	Theo dõi biến động rừng	X	X	X	X	X	-Đồi cây Dẻ, -Đồi Chung Sua, -Núi Làm Trống	19,5 ha	Dân bản	Phối hợp với kiểm lâm địa bàn
5	Theo dõi kết quả hoạt động dự án	X	X	X	X	X			Ban QLR&PTSK thôn bản	

Mường Phăng, ngày tháng năm 2013

Trưởng bản

Phê duyệt của UBND xã

PHÂN TÍCH CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ VÀ ĐANG ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI BẢN LỌNG LÔNG 2

Địa điểm: **Bản Lọng Luông 2, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên** Ngày lập: **05/6/2013**

Tên hoạt động	Thực trạng	Thuận lợi	Khó khăn	Rủi ro không kiểm soát được	Các biện pháp khắc phục
CÁ	Nhiều hộ gia đình nuôi (20 hộ); Phát triển tốt	Có nguồn nước; Dễ bán	Dịch bệnh; Thiếu vốn; Thiêu kỹ thuật	Mất cắp; Dịch bệnh; Sạt lở bờ ao.	Tập huấn kỹ thuật nuôi cá
BÒ/TRÂU	Nhiều hộ gia đình chăn nuôi; Phát triển tốt	Bò dễ nuôi và ít dịch bệnh	Bệnh (ghè, giun, sán...)	Mất cắp; chết do trời rét	Làm chuồng trại; chăm sóc tốt; tiêm phòng bệnh
LỢN	Nhiều hộ gia đình chăn nuôi; Phát triển tốt	Dễ kiếm thức ăn; dễ bán; làm thực phẩm	Dịch bệnh; thiếu kỹ thuật	Mất cắp; Dịch bệnh	Mua thuốc tiêm phòng; Kinh nghiệm
GÀ/VỊT	Nhiều hộ nuôi; Phát triển tốt	Thực phẩm gia đình; dễ nuôi; dễ bán; có sẵn nguồn thức ăn (khoai, sán...)	Nhiều dịch bệnh; chưa có kỹ thuật; khí hậu	Mất cắp	Mua thuốc phòng, chữa; Tập huấn kỹ thuật
DÊ	Ít hộ nuôi; Phát triển nhanh	Dễ nuôi; Phát triển nhanh; có sẵn nguồn thức ăn.	Dịch bệnh; khó chữa; thời tiết	Mất cắp; chết do thời tiết	Chăn thả hợp lý
NGAN	Phát triển tốt	Dễ nuôi; ít dịch bệnh, thức ăn nhiều	Dịch bệnh; Thiếu kỹ thuật	Mất cắp	Làm chuồng Tập huấn kỹ thuật
SẴN	Trồng nhiều; phát triển tốt	Đầu tư ít; tốn ít công chăm sóc; tự để giống; không có sâu bệnh; dễ bán	Đất nhanh bạc màu; thiếu kỹ thuật		Tập huấn kỹ thuật
DONG RIÊNG	Phát triển tốt, nhiều hộ trồng	Dễ trồng; dễ bán; làm thức ăn cho gia súc, gia cầm	Đất bạc màu nhanh; thiếu kỹ thuật		
LÚA NƯỚC	Trồng nhiều, chủ yếu trồng một vụ/năm	Làm lương thực; được tập huấn kỹ thuật; tự để giống	Sâu bệnh nhiều; chưa áp dụng kỹ thuật; thiếu vốn đầu tư	Lũ lụt, thiên tai	Tập huấn kỹ thuật
CÂY ĂN QUẢ	Phát triển tốt (mận, mắc coọc, soài...)	Tốn ít công chăm sóc.; dễ bán	Giống năng xuất thấp; thời tiết; thiếu vốn đầu tư	Thời tiết (mưa đá, bão...)	Giống mới năng xuất cao
RAU	Trồng nhiều loại rau; phát triển tốt	Thời tiết phù hợp; tự để giống; làm thực phẩm	Hay bị sâu bệnh		Tập huấn kỹ thuật

**XÁC ĐỊNH CÁC NGUỒN LỰC SẴN CÓ TẠI THÔN BẢN
NHƯNG CHƯA ĐƯỢC SỬ DỤNG HOẶC SỬ DỤNG CHƯA HIỆU QUẢ**

Địa điểm: **Bản Lọng Luông 2, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**

Ngày lập: **05/6/2013**

Loại nguồn lực	Các nguồn lực sẵn có tại thôn bản nhưng chưa được sử dụng hoặc sử dụng chưa hiệu quả
Nhân lực	-Nguồn lao động dồi dào (50% dân số trong thôn bản đang ở độ tuổi lao động); -Mỗi năm có 02 tháng nông nhàn; -Khoảng 50% số dân bản học hết cấp I.
Tài nguyên thiên nhiên	-Có nhiều đất canh tác; -Có phân gia súc nhưng ít sử dụng; -Không sản phẩm phụ sau thu hoạch (rơm rạ).

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SINH KẾ BẢN LỘNG LUÔNG 2

Địa điểm: **Bản Lộng Luông 2, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**

Ngày lập: **05/6/2013**

STT	Hoạt động	Thời gian thực hiện					Đóng góp của người dân	Các hỗ trợ cần thiết
		2013	2014	2015	2016	2017		
1	NUÔI CÁ	X	X	X	X	X	Ao; công lao động; thức ăn	Hỗ trợ giống; kỹ thuật; tham quan học tập
2	NUÔI DÊ (8/19)	X	X	X	X	X	Chuồng trại; công lao động; chăn thả theo nội qui của bản	Kỹ thuật; giống
3	NUÔI LỢN (7/19)	X	X	X	X	X	Chuồng trại; thức ăn; công lao động	Kỹ thuật; giống
4	TRỒNG CÂY ĂN QUẢ	X	X	X	X	X	Đất, công lao động; phân bón	Kỹ thuật; giống
5	LÚA NƯỚC		X	X	X	X	Đất, công lao động; phân bón	Kỹ thuật; giống; phân bón
6	TRỒNG RAU	X	X	X	X	X	Đất, công lao động	-Giống; kỹ thuật (trồng nắm...)

Mường Phăng, ngày Tháng năm 2013

Trưởng bản

Phê duyệt của UBND xã

PHÂN TÍCH HIỆN TRẠNG RỪNG, ĐẤT RỪNG VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Địa điểm: Bản Lọng Nghiu, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên **Ngày lập:** 06/6/2013

Địa điểm (Tên địa phương)	Diện tích (ha)	Ký hiệu lô/khoảnh KHBVPTR	Hiện trạng	Nguyên nhân	Các hoạt động được ưu tiên thực hiện
Sán Phóng	6 ha	KNB-1	2 hộ đang quản lý; Rừng phát triển tốt từ cỏ gianh	Bảo vệ tốt, khai thác đúng mức	Tiếp tục bảo vệ
Mạy Chá	30 ha	KNB-4 KNB-8 KNS-1	Quản lý chung cả bản Ông Chu có 2 khu Rừng phát triển tốt trong 10 năm nay	Bảo vệ tốt, không phá rừng làm nương	Tiếp tục bảo vệ
	7 ha	KNB-7	Hộ gia đình; Rừng suy thoái dần;		
	90 ha	KNS-5, 7, 0, 4, 8, Nr-10, Ia-0	Bản quản lý Rừng suy thoái	Khai thác Cháy rừng Chặt phá	Bảo vệ; khoanh nuôi tái sinh
	40 ha	KN-0, 1, Ia-3, 4, Nr-13, 14	Nương rẫy Bỏ hoang	Đất khô cằn, năng suất cây trồng thấp	Trồng rừng
	40 ha	KNS-9, 3, 6 NLa-0 + KNB-3	Nương rẫy, chăn thả Đất trồng	Đất tốt hơn Nương	Trồng rừng (KNS-6, 3) Chăn thả (KNS-9) Trồng rừng (NLa-0 + KNB-3)

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BẢN LỌNG NGHỊU

Địa điểm: **Bản Lọng Nghịu, xã Mùòng Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**

Ngày lập: **06/6/2013**

STT	Hoạt động	Thời gian thực hiện					Địa điểm thực hiện	Khối lượng, kết quả cần đạt được	Người chịu trách nhiệm	Nhu cầu hỗ trợ
		2013	2014	2015	2016	2017				
1	Thành lập tổ bảo vệ rừng	X					Tại bản	10 người	Dân bản	Phối hợp với UBND xã, kiểm lâm địa bàn
2	Tuần tra rừng	X	X	X	X	X	Sán Phóng Mạ Chá	41 ha	Dân bản	
3	Trồng rừng		X	X	X	X			Dân bản	Giống, kỹ thuật, phân bón
4	Theo dõi biến động rừng	X	X	X	X	X	Sán Phóng Mạ Chá		Dân bản	
5	Đánh giá kết quả hoạt động dự án	X	X	X	X	X				
6	Tham quan học tập	X	X				Trong tỉnh Điện Biên		Dân bản	

Mùòng Phăng, ngày tháng năm 2013

Trưởng bản

Phê duyệt của UBND xã

PHÂN TÍCH CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ VÀ ĐANG ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI BẢN LỌNG NGHỊU

Địa điểm: **Bản Lọng Nghịu, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên**

Ngày lập: **06/6/2013**

Tên hoạt động	Thực trạng	Thuận lợi	Khó khăn	Rủi ro không kiểm soát được	Các biện pháp khắc phục
CÁ	Phát triển tốt	Có nguồn nước; dễ bán	Dịch bệnh Thiếu kỹ thuật	Thiên tai	Kỹ thuật Tham quan học tập
TRÂU/BÒ	Phát triển tốt; bị dịch bệnh	Có bãi chăn thả Nguồn lao động	Thiếu kỹ thuật; Không có dịch vụ khuyến nông	Dịch bệnh	Kỹ thuật Thông tin đa chiều
DÊ	Phát triển tốt (4/36 hộ) Thiếu vốn	Dễ nuôi Thức ăn có sẵn	Thiếu kỹ thuật; cần nhiều lao động; phá hoại cây trồng	Dịch bệnh Trộm cắp	Kỹ thuật Chăn thả theo qui định của thôn bản
GÀ/VỊT	Phát triển tốt, hay xảy ra dịch bệnh	Có nơi chăn thả; Thức ăn có sẵn; ít công lao động	Thiếu kỹ thuật; dịch bệnh; không có chông trại;	Trộm cắp Thời tiết	Kỹ thuật Công tác thú y
LỢN	Phát triển tốt; giống tự có tại bản	Có sẵn nguồn thức ăn; làm chuồng trại	Thiếu kỹ thuật; Thiếu vốn làm chuồng	Trộm cắp	Kỹ thuật Xây chuồng kiên cố
LÚA NƯỚC	Thiếu nước; sâu bệnh (diện tích lúa nước: 4,1 ha/36 hộ)	Nhà nước hỗ trợ giống	Thiếu kỹ thuật Sâu bệnh hại	Sâu bệnh Mưa lũ	Kỹ thuật; hạn chế chặt phá rừng; bón phân xanh; giống mới năng suất cao
SẢN	Năng suất thấp; đất bạc màu, trồng không bón phân	Tự đẻ giống; tốn ít công lao động	Thiếu kỹ thuật; không bón phân	Đất bị xói mòn	Kỹ thuật Chăn thả gia súc theo qui định tránh phá hoại
NGÔ	Trồng trên nương	Ít sâu bệnh	Thiếu kỹ thuật; Thời tiết	Trộm cắp; Thời tiết	Kỹ thuật; tham quan học tập
DONG RIÈNG	Phát triển tốt	Tự đẻ giống, dễ trồng, năng suất cao	Thiếu kỹ thuật; thời tiết	Thời tiết	Giống mới
RAU	Phát triển tốt	Giống; phân bón	Tốn nhiều công lao động	Thời tiết	Kỹ thuật; tham quan học tập
CÂY ĂN QUẢ	Phát triển tốt	Thời tiết thuận lợi	Thiếu kỹ thuật	Sâu bệnh	Kỹ thuật

**XÁC ĐỊNH CÁC NGUỒN LỰC SẴN CÓ TẠI THÔN BẢN
NHƯNG CHƯA ĐƯỢC SỬ DỤNG HOẶC SỬ DỤNG CHƯA HIỆU QUẢ**

Địa điểm: Bản Lọng Nghịu, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên Ngày lập: 06/6/2013

Loại nguồn lực	Các nguồn lực sẵn có tại thôn bản nhưng chưa được sử dụng hoặc sử dụng chưa hiệu quả
Nhân lực	Nguồn lao động dồi dào
Tài nguyên thiên nhiên	-Có nguồn phân gia súc -Có sản phẩm phụ sau thu hoạch (rom).

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN SINH KẾ BẢN LỘNG NGHỊU

Địa điểm: Bản Lộng Nghịu, xã Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên Ngày lập: 06/6/2013

STT	Hoạt động	Thời gian thực hiện					Đóng góp của người dân	Các hỗ trợ cần thiết
		2013	2014	2015	2016	2017		
1	NUÔI CÁ		X	X	X	X	Ao; công lao động; thức ăn	Giống; kỹ thuật; tham quan học tập
2	NUÔI DÊ		X	X	X	X	Chuồng trại; công lao động; khu chăn thả; thức ăn; thuốc thú y	Kỹ thuật; giống
3	LÚA NƯỚC		X	X	X	X	Đất, công lao động; phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; chủ động nước tưới	Kỹ thuật; giống
4	TRỒNG RAU	X	X	X	X	X	Vườn, công lao động; chủ động nước tưới; phân bón	Giống; kỹ thuật
5	TRỒNG NĂM	X	X	X	X	X	Công lao động; rom; vật tư	Giống; kỹ thuật; tham quan học tập
6	TRỒNG CÂY ĂN QUẢ		X	X	X	X	Công lao động; phân bón; thuốc trừ sâu	Giống; kỹ thuật

Mường Phăng, ngày Tháng năm 2013

Trưởng bản

Phê duyệt của UBND xã